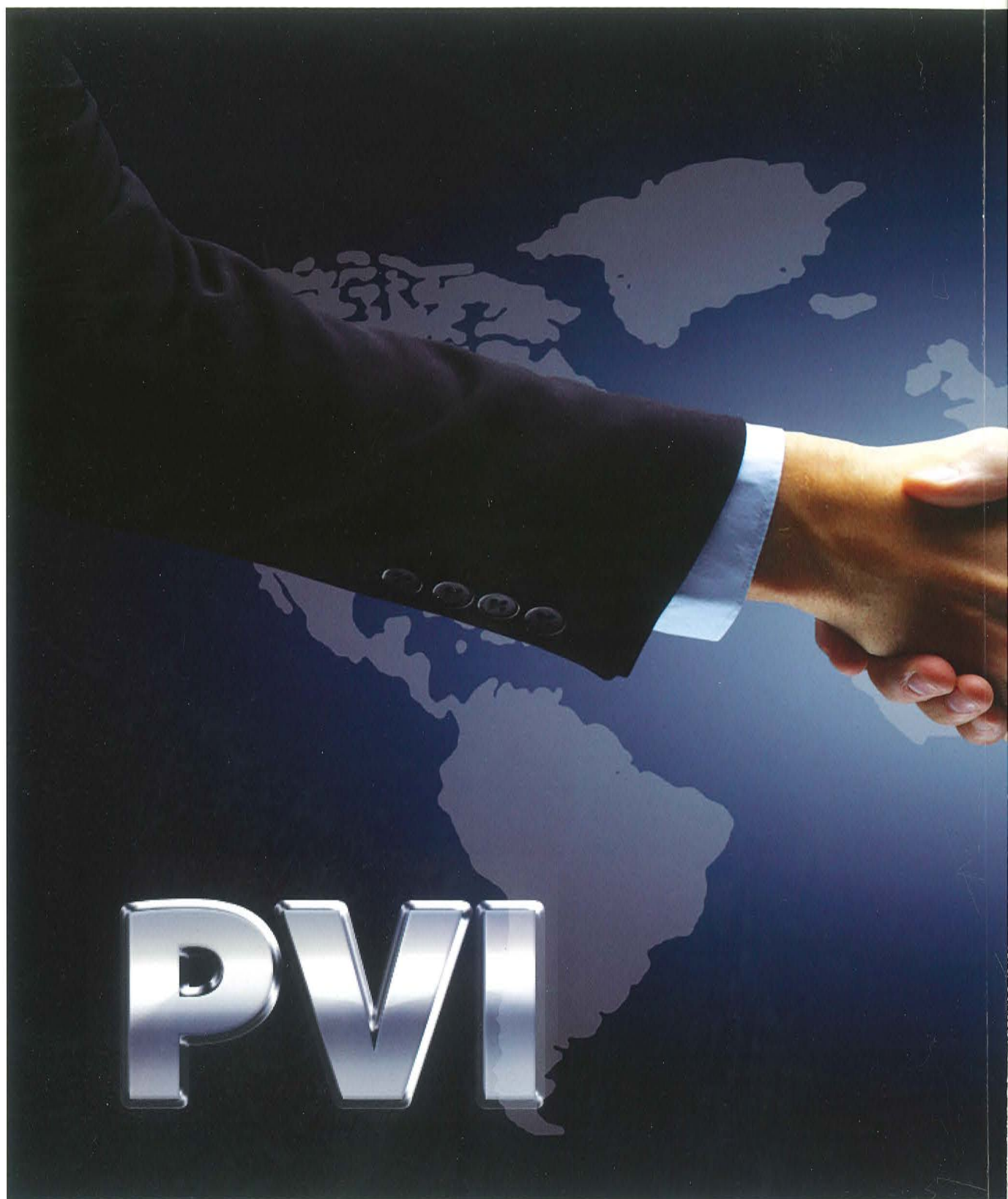
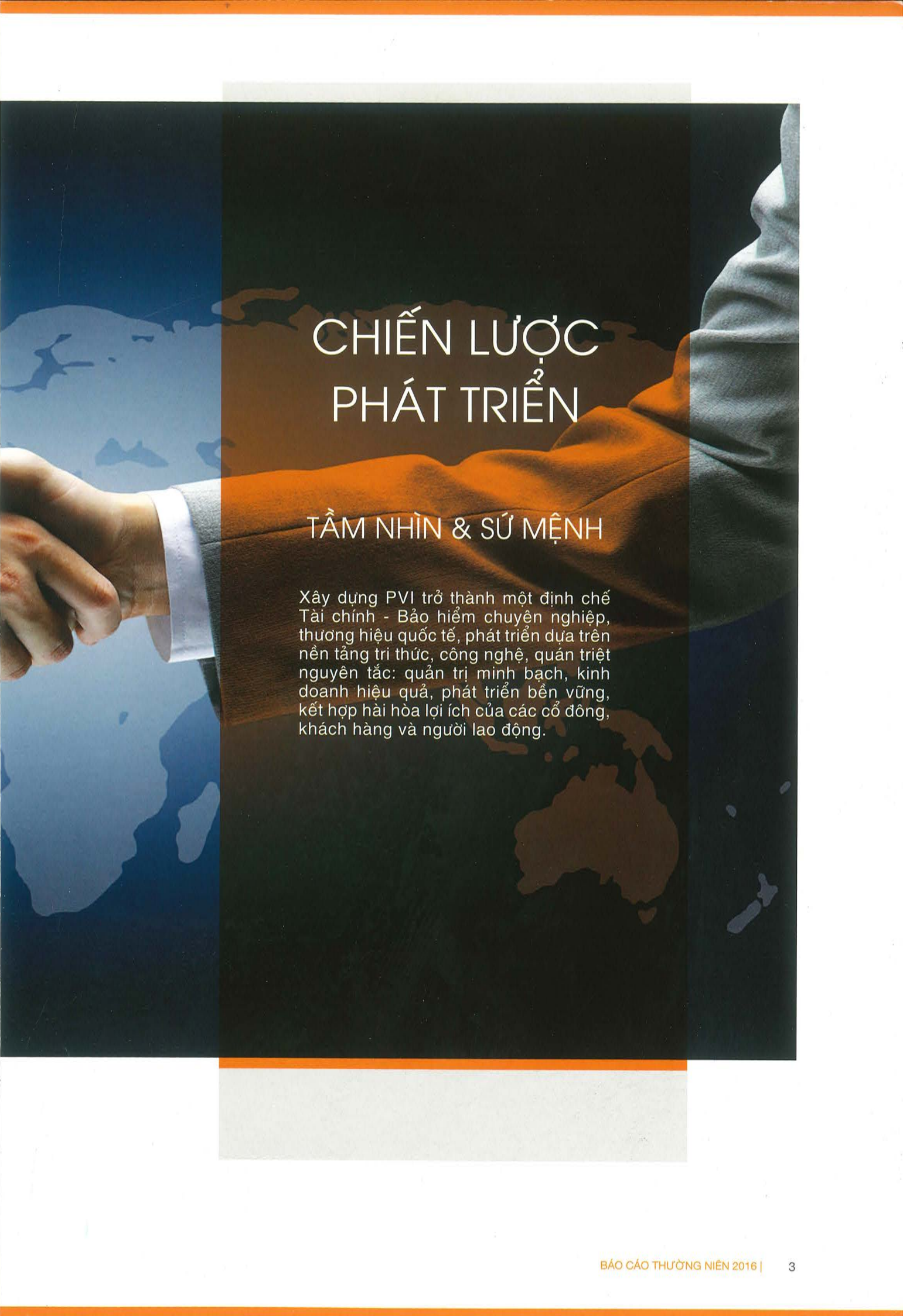




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



The background of the page features a dark blue world map. Overlaid on the map is a close-up of two hands shaking in a firm grip. One hand is wearing a white shirt cuff and a grey suit sleeve, while the other is wearing an orange suit sleeve. The handshake is positioned on the left side of the page, with the arms extending towards the center.

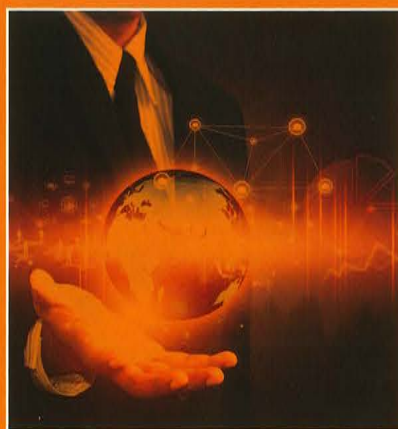
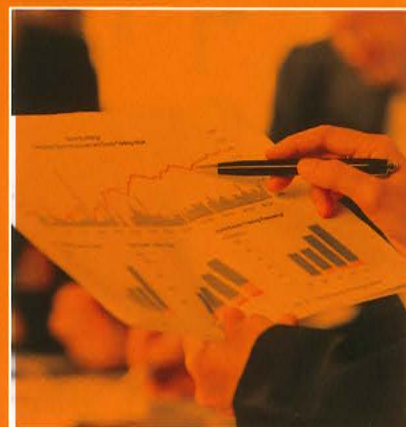
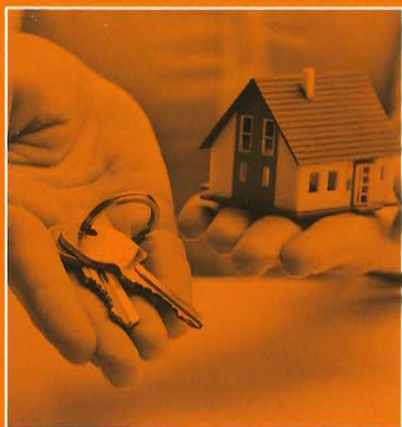
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN & SỨ MỆNH

Xây dựng PVI trở thành một định chế Tài chính - Bảo hiểm chuyên nghiệp, thương hiệu quốc tế, phát triển dựa trên nền tảng tri thức, công nghệ, quản trị nguyên tắc: quản trị minh bạch, kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững, kết hợp hài hòa lợi ích của các cổ đông, khách hàng và người lao động.



[MỤC LỤC]



06 THƯ CHÚC MỪNG CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG
08 THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PVI
10 THƯ NGỎ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC PVI

QUẢN TRỊ MINH BẠCH - KINH DOANH HIỆU QUẢ - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

12 SỰ KIỆN VÀ DANH HIỆU NỔI BẬT 2016
14 MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG
15 LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
16 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
18 BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
20 BAN KIỂM SOÁT
22 HỆ THỐNG QUẢN TRỊ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

24 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ
26 CÁC CÔNG TY CON
31 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
33 QUẢN LÝ RỦI RO
34 THÀNH TỰU NỔI BẬT NĂM 2016
36 HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

40 BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
80 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THƯ CHÚC MỪNG CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG



Ông TRẦN TUẤN ANH

ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BÍ THƯ BAN CÁN SỰ ĐẢNG
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Ngày 3 tháng 4 năm 2017

Tập thể cán bộ, nhân viên và người lao động PVI thân mến!

Thay mặt Ban Cán sự Đảng và Lãnh đạo Bộ Công thương, tôi xin gửi đến tập thể cán bộ, nhân viên và người lao động PVI lời chúc mừng và nhiệt liệt biểu dương những thành tích xuất sắc của PVI trong những năm qua.

Trải qua chặng đường 21 năm hình thành và phát triển, từ một công ty bảo hiểm nội ngành, PVI đã vươn lên mạnh mẽ trở thành định chế Tài chính - Bảo hiểm vị thế hàng đầu Việt Nam, có thương hiệu quốc tế. Hàng năm, PVI luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính; giữ vững vị trí số một thị trường bảo hiểm phi nhân thọ; hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế và đóng góp cho ngân sách nhà nước; chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, đảm bảo phát triển bền vững; góp phần vào thành công chung của ngành công thương và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Với những thành tích đó, PVI đã vinh dự được Đảng, Nhà nước và các tổ chức quốc tế ghi nhận: Danh hiệu Anh hùng Lao động, Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất; xếp hạng tín nhiệm B++ (tốt) của tổ chức xếp hạng quốc tế A.M.Best; là 1 trong 50 công ty được Brand Finance và Forbes Việt Nam bình chọn có thương hiệu tốt nhất Việt Nam, cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Trong giai đoạn mới, khi nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng với thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều thử thách và cơ hội mới. Tôi tin tưởng với truyền thống tốt đẹp của đơn vị Anh hùng Lao động, toàn thể người lao động PVI sẽ tiếp tục phát huy bản lĩnh, sáng tạo, đoàn kết, nắm bắt thời cơ để vượt qua mọi khó khăn, gặt hái nhiều thành công và vươn xa hơn nữa./.

Thân ái,



TRẦN TUẤN ANH

**ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BÍ THƯ BAN CÁN SỰ ĐẢNG
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Năm 2016, PVI tiếp tục hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ giao. Tổng doanh thu hợp nhất đạt 9.163 tỷ đồng, hoàn thành 108% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 714 tỷ đồng, hoàn thành 140% kế hoạch, đặc biệt tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến 20% bằng tiền mặt, gấp 1,7 lần chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ giao. Tổng công ty Bảo hiểm PVI tiếp tục khẳng định vị trí là nhà bảo hiểm số 1 Việt Nam. Thay mặt HĐQT, tôi chân thành cảm ơn Ban điều hành về sự năng động, sáng tạo trong điều hành kinh doanh; cảm ơn sự ủng hộ và chỉ đạo quyết liệt của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; cảm ơn sự tin tưởng của các cổ đông, đối tác và khách hàng đối với thương hiệu PVI. Tôi đặc biệt cảm ơn nỗ lực cống hiến hết mình của toàn thể cán bộ nhân viên PVI để có được thành công những năm qua.

Thưa các Quý vị,

Thành công của năm 2016 có ý nghĩa quan trọng bởi đây là năm kỷ niệm 20 năm ngày ra đời của Công ty Bảo hiểm Dầu khí (23/01/1996 - 23/01/2016), đặc biệt là dấu ấn 5 năm tái cấu trúc PVI theo mô hình của một định chế Tài chính - Bảo hiểm. Từ một công ty bảo hiểm phi nhân thọ chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, PVI đã phát triển trở thành một định chế Tài chính - Bảo hiểm bao gồm Công ty Mẹ PVI Holdings, có các cổ đông chiến lược mạnh gồm Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm HDI Global của Đức, Quỹ đầu tư của Chính phủ Oman (OIF) với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên đến 49% và các công ty con như Tổng công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance), Tổng công ty CP Tái bảo hiểm PVI (PVI Re), Công ty CP Quản lý quỹ PVI (PVI AM) và Công ty CP Phát triển tài sản Việt Nam (VAD). Thành công của việc tái cấu trúc thể hiện chính ở sự tăng trưởng bền vững của PVI. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 10,06%/năm, các chỉ số tài chính đã có sự cải thiện căn bản, đặc biệt trong giai đoạn 2014-2016 theo các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS.

PVI đã hoàn thành vượt mức kết quả kinh doanh giai đoạn 2012-2016. Tổng tài sản của PVI tăng bình quân 11,49%/năm từ 10.771 tỷ đồng (2012) lên 16.643 tỷ đồng (2016), vốn chủ sở hữu tăng bình quân 4,10%/năm từ 5.772 tỷ đồng (2012) lên 6.778 tỷ đồng (2016), tổng doanh thu giai đoạn 2012-2016 đạt 41.185 tỷ đồng, hoàn thành 110% kế hoạch, tổng lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2012-2016 đạt 2.140 tỷ đồng, bằng 144% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt trung bình hằng năm là 18,43% trên vốn điều lệ. Chi trả cổ tức trung bình 14,80%/năm, cao hơn mức ĐHCĐ phê duyệt hằng năm.

Với những thành tựu đạt được giai đoạn 5 năm qua, thương hiệu PVI đã trở thành thương hiệu uy tín, đạt được nhiều danh hiệu cao quý của Chính phủ Việt Nam cũng như các tổ chức danh tiếng nước ngoài, trong đó nổi bật nhất là: Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2011); Huân chương Độc lập hạng Ba (2013); Liên tục 4 năm (2013-2016) là 1 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh; Xếp hạng tín nhiệm B++ (tốt) đối với PVI

Insurance và xếp hạng tín nhiệm B+ (tốt) đối với PVI Re của AM Best (2014-2016); Là 1 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất trên sàn chứng khoán Việt Nam được tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn (2014-2016); Brand Finance và Mibrand vinh danh top 30 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2016.

Thành công của PVI năm 2016 và 5 năm qua đã khẳng định chiến lược đúng đắn của HĐQT trong việc tái cấu trúc PVI. Thế và lực của PVI ngày hôm nay đã mạnh hơn rất nhiều, là điểm tựa vững chắc tạo nên động lực phát triển, mở rộng không gian đầu tư và thị trường, phát huy hiệu quả chuỗi giá trị của hệ thống các công ty, đảm bảo khả năng phát triển bền vững cho toàn hệ thống PVI.

Thưa các Quý vị,

Giai đoạn 2017-2022 chắc chắn PVI sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức nhưng cũng sẽ đón nhận nhiều cơ hội để tạo ra những bước phát triển đột phá. Hiện nay cơ hội để PVI tạo ra những bước phát triển đột phá là rất lớn khi thị trường bảo hiểm Việt Nam đang duy trì đà tăng trưởng ổn định 15%/năm, trong hoạt động đầu tư, Chính phủ Việt Nam đang thúc đẩy quá trình tư nhân hóa nền kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng và năng lượng là những lĩnh vực PVI có nhiều lợi thế cạnh tranh. PVI kiên định thực hiện mục tiêu chiến lược trở thành một định chế Tài chính - Bảo hiểm chuyên nghiệp, thương hiệu quốc tế, phát triển dựa trên nền tảng tri thức, công nghệ hiện đại, theo nguyên tắc quản trị minh bạch, kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững.

Năm 2017, cùng với việc phải tiếp tục củng cố xây dựng hệ thống quản trị theo chuẩn mực quốc tế, nói room cho các cổ đông nước ngoài, tạo thêm động lực phát triển mới cho toàn hệ thống, vấn đề rất quan trọng là phải tiếp tục phát huy thế mạnh của các cổ đông chiến lược và sự hợp tác giữa các cổ đông, đặc biệt là xây dựng lòng tin chiến lược giữa các cổ đông lớn để đưa PVI trở thành định chế Tài chính - Bảo hiểm số 1 Việt Nam.

Tiếp tục phát huy tinh thần khởi nghiệp của 20 năm qua, kiên trì với phương châm chiến lược: quản trị minh bạch, kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững, dựa trên nền tảng văn hóa: cá nhân trách nhiệm, hệ thống kỷ cương, tập thể cống hiến, tôi tin tưởng chắc chắn rằng, PVI sẽ tiếp tục đạt được nhiều thành công vượt bậc trong năm 2017 và giai đoạn 5 năm tới, xứng đáng là đơn vị “Anh hùng”, là định chế Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam./.



Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT PVI

THƯ NGỎ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2016 nền kinh tế Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng với mức 6,21% (thấp hơn so với dự kiến là 6,7%). Toàn thị trường nổi chung và lĩnh vực bảo hiểm - tài chính nói riêng bị ảnh hưởng nhiều bởi giá dầu giảm sâu kéo dài (quanh mức 40\$/thùng) và các biến động chính trị mang tính toàn cầu. Ngoài ra, lãi suất huy động duy trì ở mức thấp 5,8-6% trong năm 2016 đã ảnh hưởng đến việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính của PVI.

Tuy nhiên, nhờ chiến lược tái cấu trúc, phát triển theo mô hình Tài chính - Bảo hiểm, với sự cố gắng, nỗ lực, cùng tinh thần đoàn kết, đồng lòng chung sức, toàn hệ thống PVI đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao: Tổng doanh thu hợp nhất đạt 9.163 tỷ đồng, hoàn thành 108% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 714 tỷ đồng, hoàn thành 140% kế hoạch; Lợi nhuận Công ty Mẹ đạt 637 tỷ đồng, hoàn thành 209% kế hoạch; Mức chi trả cổ tức dự kiến ở mức 20%.

Năm 2016, lĩnh vực kinh doanh lõi của PVI tiếp tục ghi nhiều dấu ấn:

Trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ: Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của giá dầu, doanh thu của lĩnh vực truyền thống giảm trên 50%, Bảo hiểm PVI vẫn tiếp tục khẳng định là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ số 1 thị trường Việt Nam (giữ 18,65% thị phần), lãi nghiệp vụ luôn cao nhất trong nhóm 5 công ty bảo hiểm dẫn đầu thị trường. Tổng doanh thu đạt 7.912 tỷ đồng, hoàn thành 102% KH. Mức xếp hạng tín nhiệm được AM Best tiếp tục duy trì ở mức B++.

Trên lĩnh vực tái bảo hiểm: Công tác đánh giá rủi ro được thị trường đánh giá cao, tạo nên sự khác biệt và gia tăng giá trị của Tái bảo hiểm PVI, thực hiện thu xếp an toàn các chương trình lớn của khách hàng và đảm bảo hiệu quả cho PVI. Tổng doanh thu đạt 1.708 tỷ đồng, hoàn thành 102% KH; Lợi nhuận trước thuế đạt 138 tỷ đồng, hoàn thành 102% KH; đảm bảo mức chia cổ tức 14%. Mức xếp hạng tín nhiệm được AM Best tiếp tục duy trì ở mức B+.

Trên lĩnh vực đầu tư, quản lý tài sản: Với mô hình Tài chính - Bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính năm 2016 đã mang lại nguồn lợi nhuận chính cho PVI. Hoạt động đầu tư tại PVI được thực hiện một cách hiệu quả, đảm bảo an toàn cho khối tài sản, dòng tiền của PVI.

Vượt qua năm 2016 với những dấu ấn vượt trội về các chỉ số kinh doanh, thương hiệu của PVI tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao: Tạp chí uy tín Forbes Việt Nam bình chọn PVI là 1 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất trên sàn chứng khoán Việt Nam (2014, 2016) và là 1 trong 40 công ty có thương hiệu giá trị nhất Việt Nam (2016); năm thứ 2 liên tiếp là 1 trong top 30 doanh nghiệp Việt Nam có giá trị nhất do tổ chức Brand Finance xếp hạng; 4 năm liên tiếp HNX bình chọn PVI là 1 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX.

Bước sang năm 2017, PVI xác định sẽ phải tiếp tục đối mặt với khó khăn chung của toàn ngành dầu khí khi thị trường dầu mỏ tuy đã có những dấu hiệu khả quan

nhưng vẫn tồn tại nhiều bất ổn. Việc triển khai, thực hiện các hiệp định quốc tế và hội nhập sâu rộng sẽ là thách thức lớn cho PVI trong năm 2017 khi phải không ngừng nâng cao năng lực tài chính và năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Với định hướng chiến lược xây dựng PVI thành định chế Tài chính Bảo hiểm tầm cỡ khu vực, năm 2017 PVI đặt trọng tâm triển khai cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp chính sau đây:

- **Nâng cao năng lực quản trị:** Tiếp tục nâng cao năng lực trong công tác quản trị, điều hành hệ thống, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo tính minh bạch, chuyên nghiệp. Với chủ trương nối room lên mức 100% cho nhà đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài sẽ tham gia trực tiếp và cùng PVI nâng cao năng lực quản trị của công ty.

- **Nâng cao năng lực tài chính:** Hoàn thiện mô hình tái cơ cấu theo hướng chiều sâu và hiệu quả, tăng vốn điều lệ, tìm kiếm cổ đông chiến lược cho Bảo hiểm PVI, Tái bảo hiểm PVI.

- **Gia tăng hiệu quả kinh doanh:** Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn và dịch vụ sau bán hàng, đẩy mạnh phát triển bảo hiểm cho dự án ngoài lĩnh vực truyền thống và hệ thống bán lẻ theo nguyên tắc tăng trưởng gắn với hiệu quả. PVI AM và VAD phát huy vai trò đầu tư tài chính và phát triển tài sản, tận dụng lợi thế và cơ hội đầu tư để tối đa hóa lợi nhuận cho toàn hệ thống PVI.

- **Tăng cường năng lực đội ngũ nhân sự:** Triển khai chiến lược Quản lý và Phát triển nguồn nhân lực cho toàn hệ thống PVI giai đoạn 2016-2020, đáp ứng yêu cầu về chất lượng nhân sự cho giai đoạn phát triển mới.

- **Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin:** Tổ chức hoạt động công nghệ thông tin theo mô hình quản lý tập trung để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển, quản trị hệ thống của PVI theo mô hình mới; nâng cấp, đổi mới và phát triển hạ tầng, hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý, phần mềm kinh doanh trong toàn hệ thống PVI.

Thay mặt Ban lãnh đạo PVI, tôi xin gửi những lời chúc tốt đẹp nhất và lời cảm ơn chân thành tới các cơ quan quản lý Nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Quý khách hàng, các đối tác trong và ngoài nước, tập thể cán bộ, nhân viên PVI cùng các cổ đông và các nhà đầu tư vì sự tin tưởng hợp tác và gắn bó với chúng tôi trong suốt chặng đường phát triển của PVI, để “ngọn lửa niềm tin” mãi rực cháy và trong một tương lai không xa, PVI sẽ có tên trong bản đồ các định chế Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu khu vực và thế giới./.



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc PVI

SỰ KIỆN VÀ DANH HIỆU NỔI BẬT 2016



Ngày 23/4/2016, PVI tổ chức **Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập và đón nhận các danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước, Chính phủ**. Trải qua 20 năm hình thành và phát triển, từ một công ty bảo hiểm nội ngành, PVI đã vươn lên mạnh mẽ, trở thành định chế Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, có thương hiệu quốc tế.



Ghi nhận những kết quả của PVI trong hoạt động quan hệ cổ đông và minh bạch thông tin với nhà đầu tư, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội liên tục 4 năm (2013 - 2016) vinh danh PVI là 1 trong **30 doanh nghiệp minh bạch nhất**.



PVI tiếp tục được Tạp chí Forbes danh tiếng thế giới (phiên bản tiếng Việt) bình chọn trong danh sách **50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam** và **40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam**.



PVI được Tổ chức đánh giá thương hiệu quốc tế Brand Finance bình chọn trong top **30 công ty có thương hiệu tốt nhất Việt Nam năm 2016**, xếp hạng A, xếp vị trí 29, vượt lên 4 bậc so với năm 2015.

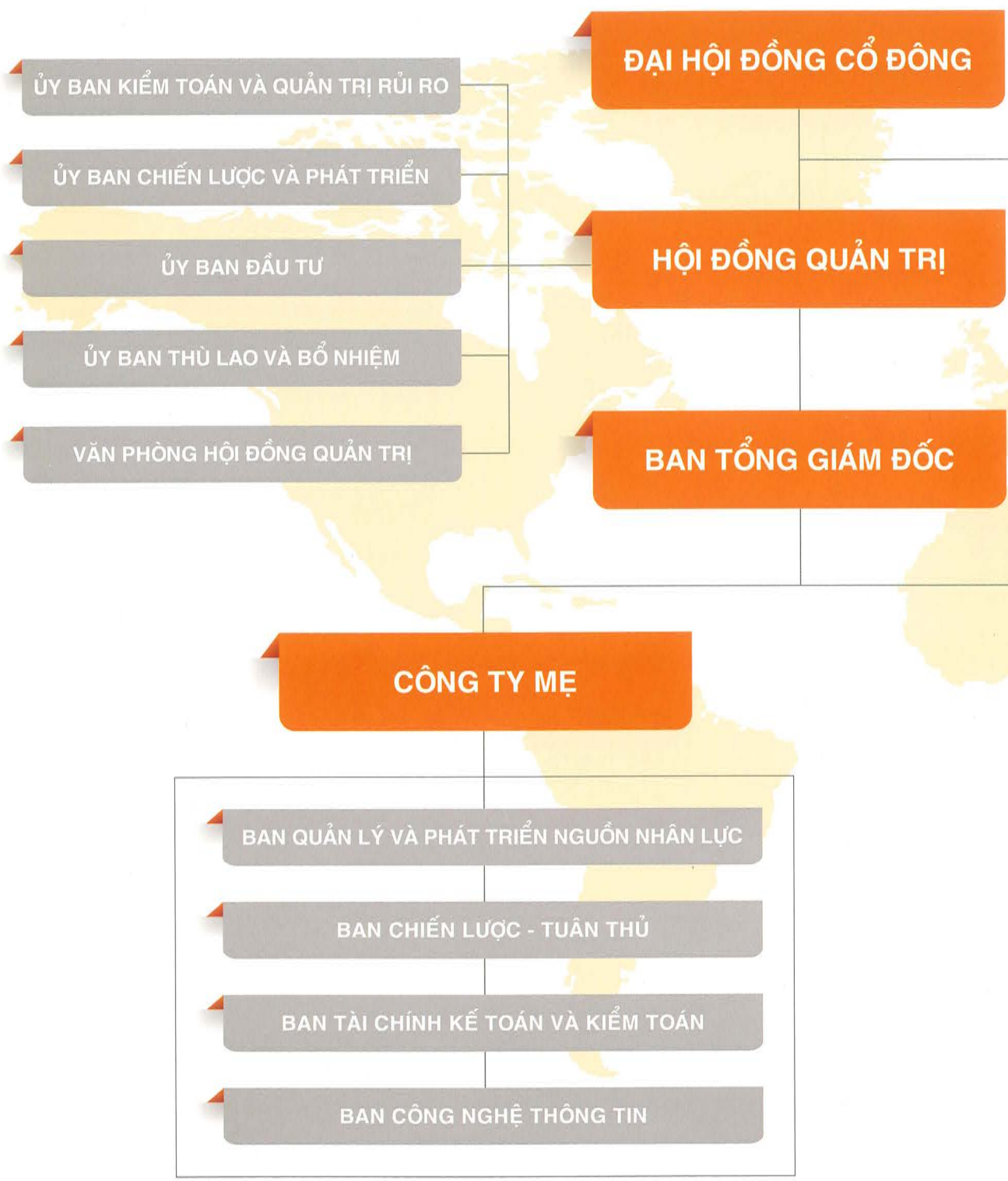


Ngày 13/12/2016, hình thành **Công ty CP Phát triển Tài sản Việt Nam** do PVI và các Công ty con của PVI đầu tư góp vốn thông qua Quỹ đầu tư cơ hội PVI (POF), tập trung vào hoạt động đầu tư, quản lý và khai thác dự án bất động sản, hạ tầng.



Ngày 9/11/2016, **PVI hoàn tất giao dịch chuyển nhượng 25% cổ phần còn lại tại PVI Sun Life** cho Tập đoàn Tài chính Sun Life Financial Canada. PVI tập trung vốn đầu tư và nguồn lực vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi: Bảo hiểm phi nhân thọ, Tái bảo hiểm, Quản lý quỹ và Phát triển tài sản.

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG



LĨNH VỰC KINH DOANH

- ★ KINH DOANH BẢO HIỂM VÀ TÁI BẢO HIỂM
- ★ QUẢN LÝ VỐN - ĐẦU TƯ
- ★ QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN

BAN KIỂM SOÁT

CÁC CÔNG TY CON

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI

TỔNG CÔNG TY CP TÁI BẢO HIỂM PVI

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ PVI

(POF)

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN TÀI SẢN VIỆT NAM

* Công ty CP Phát triển tài sản Việt Nam do PVI và các công ty con của PVI đầu tư góp vốn thông qua Quỹ đầu tư cơ hội PVI (POF).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ MINH BẠCH - KINH DOANH



Ông **ULRICH HEINZ WOLLSCHLÄGER**
Thành viên HĐQT

Ông **DƯƠNG THANH DANH FRANÇOIS**
Thành viên HĐQT

Ông **NGUYỄN KHUYẾN NGUỒN**
Thành viên HĐQT

Ông **NGUYỄN ANH TUẤN**
Chủ tịch HĐQT

HIỆU QUẢ - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Ông **BÙI VAN THUẬN**
Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc

Ông **TÔN THIÊN VIỆT**
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông **HUSSAIN MOHAMED REDHA ALI**
Thành viên HĐQT

Ông **TUNG SING LAU**
Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁ NHÂN TRÁCH NHIỆM - HỆ THỐNG



Ông **NGUYỄN NGỌC MINH**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **PHẠM ANH ĐỨC**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **TRƯƠNG QUỐC LÂM**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **BÙI VĂN THUẬN**
Tổng Giám đốc

KỶ CƯƠNG - TẬP THỂ CỐNG HIẾN



Ông **VŨ VĂN THẮNG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **PHÙNG TUẤN KIÊN**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **PHẠM KHẮC DŨNG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **TRẦN DUY CƯỜNG**
Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT



Ông **OLIVER MASSMANN**
Thành viên Ban Kiểm soát



Ông **JENS HOLGER WOHLTHAT**
Phó Trưởng ban Kiểm soát



Bà **HÀ LAN**
Trưởng ban Kiểm soát



Bà **TRẦN THU HÀ**
Thành viên Ban Kiểm soát

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC



Trong năm 2016, PVI tiếp tục chủ động hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp sau khi tái cấu trúc doanh nghiệp, cụ thể như sau:

I. HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị doanh nghiệp của PVI được chia thành hai cấp, trong đó:

1. CÔNG TY MẸ

- Thực hiện chức năng quản trị doanh nghiệp, đóng vai trò kiến tạo, điều hành, quản lý và giám sát theo định hướng chiến lược phát triển toàn bộ hệ thống PVI.

- Trong năm 2016, Công ty Mẹ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu theo các chuẩn mực quốc tế với mô hình kiểm soát tập trung và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

2. CÁC CÔNG TY CON

- Tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh lõi gồm bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, quản lý quỹ và phát triển tài sản.

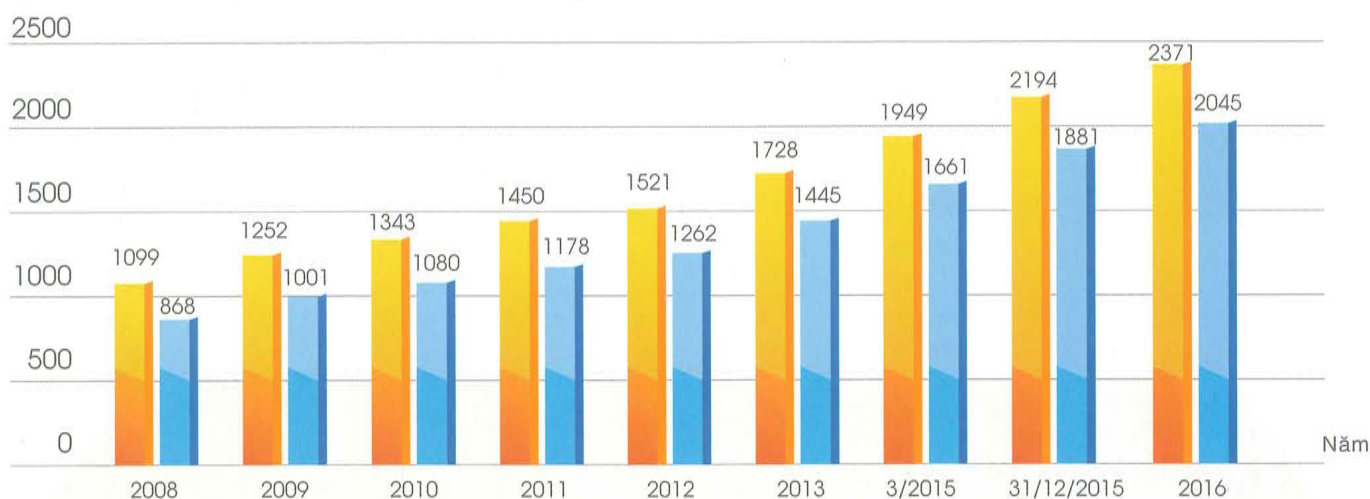
II. NGUỒN NHÂN LỰC

PVI ban hành Chiến lược Quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2021 và bắt đầu triển khai thực hiện với mục đích tạo ra một lực lượng lao động chất lượng cao, xây dựng nguồn nhân lực kế cận đủ năng lực cho giai đoạn phát triển mới.

PVI khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cán bộ, nhân viên phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc, mà còn qua đào tạo, tự đào tạo và trao đổi kiến thức. Năm 2016, toàn PVI đã tổ chức 82 khóa học với sự tham gia của 2.397 lượt CBNV. Tỷ lệ đào tạo/số nhân sự trung bình: 99,7%. Số khóa đào tạo tự tổ chức chiếm gần 50% tổng số khóa đào tạo tại PVI trong năm 2016.

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng số lao động toàn PVI là **2.371** người.

• BIỂU ĐỒ NHÂN SỰ CỦA PVI TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2016:



■ Lao động có trình độ đại học trở lên

■ Tổng lao động

• CƠ CẤU ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG

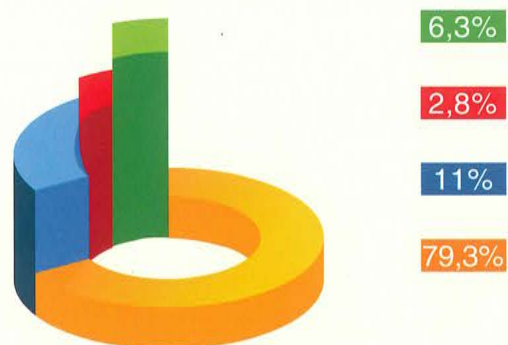


■ Lao động từ 30 tuổi đến 39 tuổi

■ Lao động dưới 30 tuổi

■ Lao động từ 40 tuổi trở lên

• CƠ CẤU NHÂN LỰC THEO TRÌNH ĐỘ



■ Thạc sĩ, Tiến sĩ

■ Đại học

■ Khác

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG
VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
2016 Annual General Meeting of Shareholders

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2016 / Hanoi, 20th April, 2016



CỔ PHẦN

Nội dung	Vốn điều lệ
Vốn điều lệ (đồng)	2.342.418.670.000
Tổng số cổ phiếu	234.241.867
Số lượng cổ phiếu quỹ	11.754.600
Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	222.487.267
Số lượng cổ phiếu ưu đãi/khác (nếu có)	0

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG PVI (TẠI NGÀY 31/12/2016)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng CP hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP hiện tại
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	18 Láng Hạ, Hà Nội	Dầu khí, Đầu tư	81.978.740	35%
HDI-Global (Talanx)	CHLB Đức	Bảo hiểm, Tài chính	83.711.071	35,74%
Funderburk Light-house Ltd (OIF)	Oman	Quỹ Đầu tư	27.117.895	11,58%
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	22 Ngô Quyền, Hà Nội	Ngân hàng, Tài chính	14.593.243	6,23%
Khác			26.840.918	11,45%

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Là doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với hơn 6.000 cổ đông, PVI luôn xác định việc đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, nhà đầu tư là một trong những vấn đề quan trọng trong quản trị doanh nghiệp.

Tuân thủ quy định của pháp luật là điều kiện tiên quyết trong việc đảm bảo quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư. PVI đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, HNX, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam: phát hành định kỳ Báo cáo thường niên; Báo cáo quản trị doanh nghiệp; Báo cáo tài chính và công bố những thông tin khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị công ty... giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về doanh nghiệp. PVI cũng thường xuyên cập nhật những thay đổi trong quy định pháp luật về quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin như Luật Doanh nghiệp 2014, các quy chế của HNX... đồng thời tiến hành sửa đổi Điều lệ PVI cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp mới. Bộ phận Quan hệ cổ đông cũng tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân giải đáp thông tin và thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền lợi cổ đông.

Bên cạnh đó, việc chủ động công khai minh bạch thông tin cũng đóng vai trò quan trọng nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của cổ đông và là yếu tố hàng đầu để xây dựng hình ảnh doanh nghiệp trong mắt cổ đông, nhà đầu tư. Bộ phận Quan hệ cổ đông của PVI trong năm 2016 đã làm tốt chức năng là cầu nối thông tin gắn kết

cổ đông, nhà đầu tư và doanh nghiệp. PVI luôn chủ động công bố kịp thời các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị và các thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư... trên website chính thức của công ty (www.pvi.com.vn) cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng để cổ đông có thể nắm bắt kịp thời, chính xác các thông tin liên quan đến hoạt động của PVI. PVI sẵn sàng cung cấp thông tin đa chiều để cổ đông và nhà đầu tư có một cái nhìn toàn diện về doanh nghiệp. PVI luôn duy trì và nâng cao các kênh đối thoại mở với cổ đông và các nhà đầu tư nhằm tiếp nhận và giải đáp thắc mắc, cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của PVI.

Ghi nhận những kết quả của PVI trong hoạt động quan hệ cổ đông và minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội liên tục 4 năm (2013-2016) vinh danh PVI là 1 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất.

Với mục tiêu duy trì quan hệ lâu dài và giữ vững niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư, trong năm 2017, PVI tiếp tục các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng quan hệ cổ đông, nhà đầu tư như sau:

- Tăng cường minh bạch hóa thông tin nhằm xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, bảo hiểm, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

CÁC CÔNG TY CON

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI (BẢO HIỂM PVI)



Năm 2016 là năm thứ ba liên tiếp Tổng công ty Bảo hiểm PVI dẫn đầu thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ Việt Nam, khẳng định niềm tin của khách hàng vào sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp và đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trong năm 2016, Bảo hiểm PVI tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh: tổng doanh thu đạt 7.912 tỷ đồng (đạt 102% kế hoạch); lợi nhuận trước thuế đạt 109 tỷ đồng (đạt 101% kế hoạch).

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG VÀ BỀN VỮNG

Kết thúc năm 2016, Bảo hiểm PVI vẫn tiếp tục được ghi nhận sự đi lên toàn diện và bền vững với doanh thu bảo hiểm gốc và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm cao nhất thị trường. Để đạt được kết quả này, với sự nhanh nhạy, năng động của một đơn vị hàng đầu, Bảo hiểm PVI đã triển khai mạnh mẽ và toàn diện các hoạt động kinh doanh, tập trung khai thác các dự án tại nhiều lĩnh vực, đẩy mạnh đầu tư mạng lưới bán lẻ, phát triển sản phẩm, đa dạng hóa các kênh phân phối và đặc biệt chú trọng hoàn thiện dịch vụ sau bán hàng.

- Bảo hiểm PVI tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ tư vấn, quản lý rủi ro cho toàn bộ tài sản và con người của khách hàng trong lĩnh vực Dầu khí, đảm bảo an toàn cho toàn bộ hoạt động và tài sản của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh triển khai các dự án lớn ngoài lĩnh vực Dầu khí, cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các nhà dự án lớn có giá trị phát triển kinh tế xã hội vốn đòi hỏi năng lực, kinh nghiệm và trách nhiệm rất khắt khe, khẳng định vai trò nhà bảo hiểm dẫn dắt thị trường như: Dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng số tiền BH 900 triệu USD; Các dự án trọng điểm như Dự án cầu Bạch Đằng số tiền BH 5.400 tỷ đồng; Bảo hiểm cho toàn bộ tuyến năng lượng thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum số tiền BH 2.338 tỷ đồng; Dự án Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội; Bảo hiểm tài sản cho Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1, số tiền BH 3.000 tỷ đồng; Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu cho Samsung tổng số tiền BH 2.926 tỷ đồng...

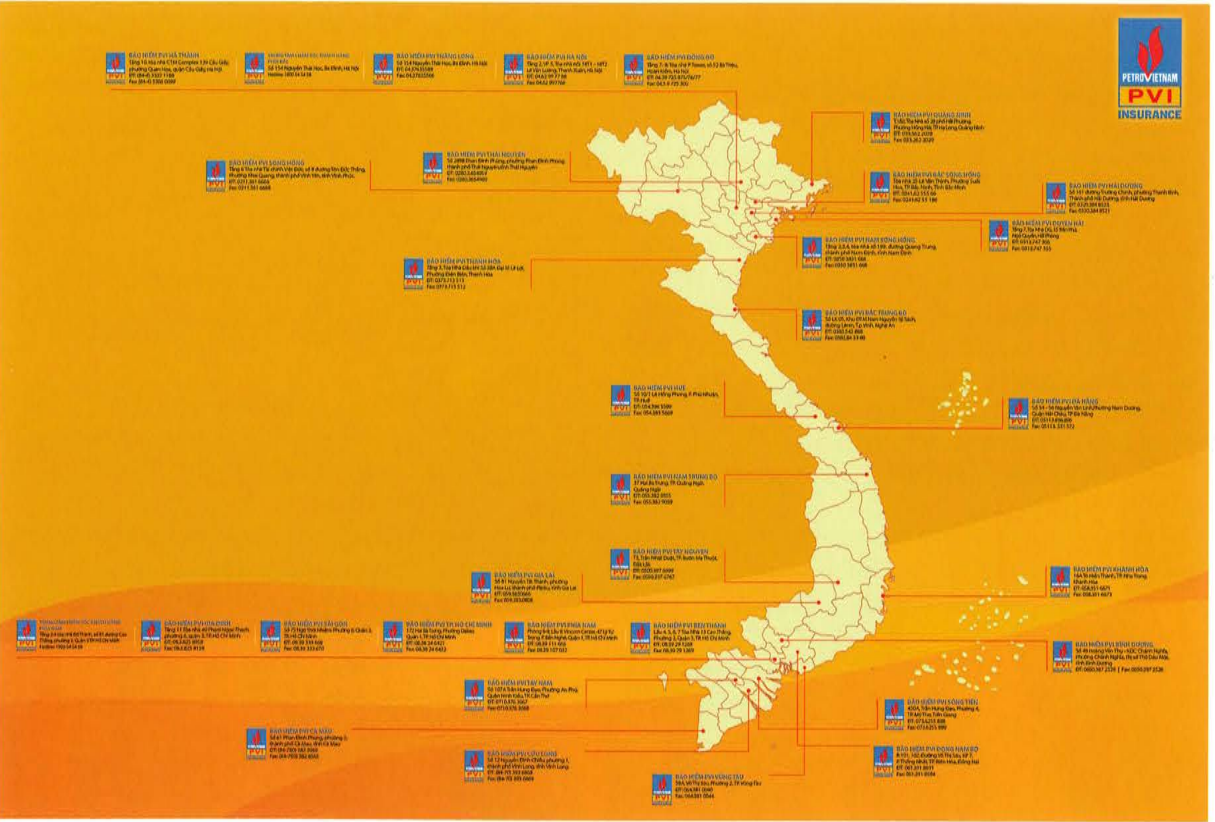
- Thành công trong việc đa dạng hóa các kênh phân phối, đặc biệt là công tác bancassurance. Năm 2016, Bảo hiểm PVI đã ký thỏa thuận hợp tác với 10 ngân hàng và tổ chức tín dụng với doanh thu 210 tỷ đồng, tăng trưởng 80%, việc hợp tác với các ngân hàng sâu hơn mọi năm khi Bảo hiểm PVI đã ký độc quyền khai thác với nhiều ngân hàng.

• Điểm sáng trong kết quả kinh doanh của Bảo hiểm PVI trong năm 2016, cũng phù hợp với định hướng của Công ty, đó là hệ thống bán lẻ tăng trưởng cao, đạt 20% và hoàn thành vượt mức các kế hoạch đặt ra. Năm 2016 Bảo hiểm PVI thành lập thêm 1 chi nhánh tại TP. Hà Nội và 18 phòng kinh doanh khu vực, nâng tổng số chi nhánh lên 30 đơn vị, cùng 108 phòng kinh doanh tại các tỉnh/thành. Về hệ thống đại lý, năm 2016 có 2.500 đại lý với doanh thu gần 400 tỷ đồng, Bảo hiểm PVI là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm có mạng lưới đại lý rộng nhất trên thị trường.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2017

Trong năm 2017, Bảo hiểm PVI phấn đấu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trên nền tảng đặt hiệu quả lên hàng đầu, tiếp tục chú trọng công tác dịch vụ khách hàng hướng tới trở thành Nhà bảo hiểm bán lẻ số 1 Việt Nam. Cụ thể, những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 của Bảo hiểm PVI như sau:

- Thứ nhất, duy trì và khẳng định vị thế là nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 Việt Nam và tiếp tục dẫn đầu về hiệu quả kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ VN;
- Thứ hai, duy trì và phấn đấu nâng hạng tín nhiệm tài chính quốc tế theo tiêu chuẩn của A.M Best;
- Thứ ba, phát huy thương hiệu PVI, giữ vững khách hàng trong lĩnh vực Dầu khí trên cơ sở an toàn và hiệu quả, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh khai thác các dự án ngoài lĩnh vực Dầu khí;
- Thứ tư, phát triển hệ thống bán lẻ trên nguyên tắc hiệu quả;
- Thứ năm, tiếp tục mở rộng mạng lưới kinh doanh bán lẻ, đa dạng hóa các kênh phân phối, gia tăng các tiện ích và các công cụ khai thác bảo hiểm trung gian, trong đó công tác bancassurance tiếp tục được đẩy mạnh;
- Thứ sáu, tăng cường kiểm soát tuân thủ và quản lý minh bạch toàn hệ thống.



Mạng lưới hoạt động của Bảo hiểm PVI trên toàn quốc

CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI (PVI RE)



Năm 2016 là một năm đầy khó khăn, thách thức với các biến động khó lường của kinh tế thế giới và trong nước: Thị trường tái bảo hiểm (TBH) quốc tế vẫn tiếp tục dư thừa nguồn vốn, năng lực TBH dư thừa dẫn đến sự cạnh tranh cao, phí giảm. Hoạt động thu gom và sáp nhập (M&A) tiếp tục là đặc trưng nổi bật của năm 2016 đã tạo ra nhiều doanh nghiệp TBH với quy mô vốn lên đến hàng tỷ USD. Tổn thất do thiên tai trên toàn cầu gây ra trong 2016 tăng khoảng 38% so với cùng kỳ năm trước và vượt mức bình quân 10 năm. Với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của tập thể lãnh đạo và sự quyết tâm, nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên, PVI Re đã thực hiện nghiêm chỉnh các định hướng chiến lược đã vạch ra và tiếp tục hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh: tổng doanh thu đạt 1.708 tỷ đồng (đạt 102% kế hoạch); lợi nhuận trước thuế đạt 138 tỷ đồng (đạt 102% kế hoạch).

Kết thúc năm 2016, PVI Re đã hoàn thành các công việc trọng tâm như sau:

- Hoàn thành vượt mức các mục tiêu doanh thu và lợi nhuận.
- Hoàn thành công tác kiện toàn mô hình quản trị doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và cán bộ quản lý, đảm bảo bộ máy vận hành tốt và hiệu quả. Chức năng, nhiệm vụ của các khối, phòng ban được phân định khoa học và rõ ràng hơn. Các phòng phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và tăng cường khả năng kiểm soát hơn.
- Chính sách khai thác luôn được chú trọng và điều chỉnh kịp thời để nâng cao và tối đa hóa hiệu quả kinh doanh. Thu xếp thành công một

số hợp đồng quan trọng như hợp đồng TBH cố định năng lượng và các hợp đồng bảo vệ 2016, phù hợp với chiến lược dài hạn của Công ty và diễn biến thực tế của thị trường.

- Công nghệ thông tin được chú trọng phát triển. Đưa vào vận hành hiệu quả hệ thống PIAS mới với 2 phân hệ quản lý hợp đồng và quản lý bồi thường. Cơ sở dữ liệu được xây dựng theo cấu trúc mới, bài bản, khá linh hoạt để đáp ứng cho nhu cầu của hoạt động kinh doanh cũng như quản lý.
- Đời sống cán bộ, nhân viên ổn định và được nâng cao.
- PVI Re luôn đề cao xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, đội ngũ CBNV đoàn kết, có trách nhiệm và có trình độ chuyên môn cao.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2017

- Đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước một cách hiệu quả. Nhận tái nguồn trong nước tăng trưởng trên 30%.
- Tiếp tục tìm kiếm cổ đông chiến lược và tăng vốn theo nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Thực hiện niêm yết trên sàn chứng khoán.
- Nâng mức xếp hạng tín nhiệm lên B++.
- Tập trung hoàn thiện bộ máy, nâng cao chất lượng nhân sự. Cử cán bộ đi đào tạo training on job tại thị trường quốc tế.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với nhu cầu phát triển mới.

CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI (PVI AM)



Năm 2016, PVI AM đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh với kết quả nổi bật như sau:

- Doanh thu năm 2016 đạt 42,3 tỷ đồng, hoàn thành 140% kế hoạch năm 2016.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 6,85 tỷ đồng, hoàn thành 140% kế hoạch năm 2016.

- **Về công tác quản lý quỹ:** Hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận các khoản đầu tư đã đạt mức kỳ vọng, đảm bảo khả năng chi cổ tức năm 2016 cho các thành viên góp vốn ở mức 12%; Quỹ POF đã hoàn thành tăng vốn 500 tỷ đồng cho VAD để thực hiện đầu tư dự án THT; Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro đối với các loại hình đầu tư khác nhau tương ứng.

- **Về công tác quản lý danh mục đầu tư:** PVI AM tiếp tục nhiệm vụ chính là tư vấn & quản lý danh mục đầu tư ủy thác của PVI Holdings trong việc tái cơ cấu toàn bộ danh mục đầu tư thông qua việc thoái vốn, thu hồi công nợ và chuyển nhượng các khoản đầu tư cho Quỹ POF.

- **Về công tác nghiên cứu, phân tích và tư vấn:** Tích cực phối hợp, làm việc với các ngân hàng về việc bán chéo sản phẩm bảo hiểm (bancassurance). Với sự quyết liệt từ phía Bảo hiểm PVI và nỗ lực của PVI AM, doanh số đã tăng từ hơn 100 tỷ đồng năm 2015 lên hơn 200 tỷ đồng trong năm 2016; Theo dõi biến động thị trường ngoại hối để tư vấn các đơn vị; Phối hợp tham gia cùng PVI Holdings hoàn thành việc thực hiện thoái vốn tại PVI Sun Life mang lại hiệu quả cao; Chủ động tìm kiếm, nghiên cứu phân tích và đề xuất các cơ hội đầu tư M&A, tham gia thẩm định các đề xuất cơ hội đầu tư của Quỹ POF.

- **Về công tác xây dựng và quản trị hệ thống:**

Hoàn thành báo cáo kế hoạch kinh doanh năm 2017, giai đoạn 2016-2020, chiến lược phát triển PVI AM 2020-2035 và kế hoạch đào tạo năm 2017; Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc KPI của từng bộ phận và từng cán bộ để đưa vào áp dụng thử nghiệm từ đầu năm 2017.

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2017

- Quản lý hiệu quả dòng tiền, gia tăng giá trị tài sản cho các công ty trong hệ thống PVI; nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng tư vấn cho khách hàng.

- Cố gắng đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính cho các đơn vị trong toàn hệ thống PVI trong năm 2017.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của quỹ POF, đảm bảo an toàn, hiệu quả, đúng định hướng.

- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư dài hạn, an toàn, đạt hiệu quả ổn định thông qua các hoạt động M&A, các đợt IPO, nhà nước thoái vốn và các dự án có nhu cầu kêu gọi đầu tư của PVN và các đơn vị thành viên PVN.

- Mở rộng quan hệ, tìm kiếm các đối tác có nhu cầu thực hiện các thương vụ M&A.

- Đảm bảo hoạt động của PVI AM tuân thủ đúng pháp luật, minh bạch, chuyên nghiệp, hiệu quả.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp PVI AM mang bản sắc PVI với tinh thần “**Thành tích của tập thể - Trách nhiệm của cá nhân**”.

CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÀI SẢN VIỆT NAM (VAD)



Công ty Cổ phần Phát triển Tài sản Việt Nam (VAD) tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Việt Nam Xanh (VNX) được thành lập vào tháng 6/2015. Ngày 13/12/2016, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Phát triển Tài sản Việt Nam (VAD) và tiến hành tăng vốn điều lệ thành công lên 500,1 tỷ đồng. VAD tập trung vào hoạt động đầu tư dự án bất động sản, hạ tầng, năng lượng, triển khai dự án và hoạt động quản lý, khai thác bất động sản, dự án sau đầu tư.

HIỆN TẠI, VAD ĐANG THỰC HIỆN:

- Đầu tư dự án phát triển khu biệt thự và nhà phố tại Khu đô thị Tây Hồ Tây.
- Kinh doanh và quản lý tài sản như Tòa nhà PVI Tower tại Cầu Giấy, Hà Nội; Tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Hà Nội và hệ thống căn hộ tại dự án The Costa tại Nha Trang...
- Tìm kiếm, đầu tư các dự án hạ tầng, năng lượng trong ngành dầu khí như Dự án Nhiệt điện khí Nhơn Trạch mở rộng giai đoạn 3 và 4...
- Tư vấn đầu tư cho các khách hàng trong và ngoài nước như Daewoo E&C, Samsung... đầu tư vào các dự án hạ tầng, năng lượng trong nước.

• Tư vấn quản lý tài sản cho các khách hàng trong ngành dầu khí như tư vấn quản lý vật tư cho Nhà máy Lọc hóa dầu Bình Sơn, phối hợp với các công ty quản lý tài sản chuyên nghiệp của nước ngoài như Sewoong Plant của Hàn Quốc để cung cấp các dịch vụ quản lý tài sản có chất lượng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Từng bước trở thành một trong những trụ cột chính của hệ thống PVI, đảm nhận chức năng quản lý và phát triển tài sản của toàn hệ thống an toàn và hiệu quả, đầu tư hiệu quả từ dòng tiền của PVI và Bảo hiểm PVI.
- Định hướng phát triển ba mảng kinh doanh chính: Đầu tư tài sản, quản lý tài sản và tư vấn đầu tư.
- Quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực tiên tiến, đảm bảo hoạt động của VAD tuân thủ đúng pháp luật, minh bạch, chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc PVI, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của PVI.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị (HĐQT) PVI đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban điều hành thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban Tổng giám đốc.

Bên cạnh công tác giám sát, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI và thực hiện đúng theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Một số công việc cụ thể như sau:

- Tổ chức thành công buổi họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 vào ngày 20/4/2016 và 4 phiên họp HĐQT định kỳ vào ngày 16/3, 31/5, 29/8 và 2/12/2016. Trong năm 2016, HĐQT đã ban hành 14 Nghị quyết HĐQT, trong đó có 6 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của công ty.
- Chỉ đạo PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận.
- Tăng vốn điều lệ cho Bảo hiểm PVI từ 2.100 tỷ lên 2.600 tỷ đồng và thông qua chủ trương

góp thêm vốn vào PVI Re để đảm bảo quy mô, năng lực tài chính cho hoạt động kinh doanh lõi và bảo vệ xếp hạng tín nhiệm A.M.Best của các công ty con.

- Chỉ đạo hoàn thành việc thoái vốn tại các công ty liên kết theo đúng định hướng chiến lược.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban Kiểm soát (BKS) định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con, công ty liên kết và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan; đồng thời phối hợp với Ban Chiến lược và Tuân thủ, Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm 2016 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban TGD.
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT; Giám sát các hoạt động đầu tư của PVI.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)



- Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính hằng quý trong năm 2016;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng quý và năm của PVI.

- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ của PVI.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại, đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất. Các hoạt động của BKS được thực hiện theo đúng các quy định về tổ chức hoạt động của BKS PVI, quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ PVI, Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD

HĐQT PVI đã thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban TGD hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của PVI. Bên cạnh đó, HĐQT cũng phối hợp tích cực với BKS tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của công ty.

Ban TGD đã điều hành các hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác của PVI theo sát những quyết sách của HĐQT, đảm bảo sự phối hợp hoạt động quản trị của PVI được hiệu quả.

BKS đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban TGD. Ban TGD và các ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS. Bên cạnh việc tăng cường kiểm tra định kỳ, BKS duy trì sự độc lập trong mọi hoạt động của mình, nâng cao chất lượng công việc.

QUẢN LÝ RỦI RO



Quản lý rủi ro có ý nghĩa quan trọng đối với mọi tổ chức, doanh nghiệp. Hoạt động này mang ý nghĩa sống còn với các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm. Trong các năm qua, PVI luôn ý thức được vai trò của quản lý rủi ro và triển khai nghiêm túc công tác này trong mọi mặt hoạt động.

Năm 2016, với các rủi ro của nền kinh tế, biến động của giá dầu, thị trường dịch vụ tài chính tiếp tục khó khăn, nhưng PVI đã kịp thời có các giải pháp nâng cao quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế với mô hình kiểm soát tập trung, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý rủi ro cho toàn hệ thống, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty. PVI vừa thực hiện đúng chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh, vừa hạn chế và giảm thiểu những rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện.

Kế hoạch năm 2017, PVI sẽ tiếp tục thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm tra tuân thủ định kỳ các đơn vị, nhằm kịp thời phát hiện những rủi ro và có các giải pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của toàn hệ thống.

10 THÀNH TỰU NỔI BẬT NĂM 2016

01

Toàn hệ thống PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016 do ĐHCĐ giao. Tỷ lệ chi trả cổ tức 2016 dự kiến ở mức 20%, cao hơn nhiều so với kế hoạch 12%.

02

Trong lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ - duy trì vị trí dẫn đầu thị trường: Năm 2016 là năm thứ 3 liên tiếp Bảo hiểm PVI giữ vị trí dẫn đầu thị trường cả về doanh thu, thị phần (gần 19%) và hiệu quả.

03

Bảo hiểm PVI tiếp tục thực hiện đẩy mạnh hệ thống bán lẻ, đồng thời thực hiện các biện pháp tăng cường kiểm soát rủi ro. Tăng trưởng khối bán lẻ năm 2016 tiếp tục cao hơn tốc độ tăng trưởng của thị trường (19%), vẫn đóng góp, bù đắp cho sự giảm sút về doanh thu, lợi nhuận tại thị trường truyền thống của PVI.

04

Hoạt động đầu tư: Hoạt động đầu tư tài chính hiện là hoạt động mang lại nguồn lợi nhuận chính cho PVI. Năm 2016, PVI đã thực hiện thành công giao dịch thoái vốn khỏi PVI Sun Life. Hoạt động cho thuê văn phòng đạt tỷ lệ lấp đầy là 95%.

05

Trong lĩnh vực tái bảo hiểm: Tiếp tục phát triển đúng định hướng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch và thực hiện thu xếp hiệu quả các chương trình tái bảo hiểm cho thị trường Bảo hiểm Việt Nam.

06

Tiếp tục xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, tăng cường kiểm tra tuân thủ, quản trị rủi ro trong toàn hệ thống: Hoàn tất việc xây dựng hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015. Thực hiện kiểm tra tuân thủ tại các đơn vị: Bảo hiểm PVI, PVI AM.

07

Tiếp tục triển khai mạnh mẽ tái cấu trúc doanh nghiệp: Hoàn tất việc thoái vốn tại PVI Sun Life và thoái vốn đầu tư tại các công ty liên kết theo đúng định hướng phát triển. Tập trung vào 3 lĩnh vực lõi: Bảo hiểm phi nhân thọ, Tái bảo hiểm, Đầu tư tài chính và quản lý tài sản.

08

Ban hành Chiến lược quản lý, phát triển và đào tạo nguồn nhân lực cho toàn hệ thống PVI và thực hiện sắp xếp, luân chuyển cán bộ lãnh đạo tại Công ty Mẹ, Bảo hiểm PVI, Tái bảo hiểm PVI.

09

Thương hiệu của PVI tiếp tục được khẳng định và được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao: Là 1 trong top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2015-2016; Là 1 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam và 1 trong 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam bình chọn; trong Top 30 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2016 do Brand Finance bình chọn (Năm 2016, thương hiệu PVI được định giá 45 triệu USD (~ 1.000 tỷ đồng), xếp hạng A, xếp vị trí 29, vượt lên 4 bậc so với năm 2015).

10

Sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban điều hành trong việc định hướng, chỉ đạo sát sao hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống, đảm bảo dẫn dắt toàn hệ thống PVI hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG



Đại diện Ban lãnh đạo PVI trao tặng nhà tình nghĩa cho những người nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Bến Tre

Kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp đã có từ nhiều năm qua, PVI thường xuyên phát động các phong trào giúp đỡ nhiều hoàn cảnh khó khăn, nhiều địa phương gặp hoạn nạn qua công tác an sinh xã hội của mình. Hằng năm, PVI đóng góp hàng tỷ đồng và có thể kể đến một số hoạt động xã hội trong những năm qua như sau:

- **Năm 2010:** Ủng hộ xây dựng nhà đại đoàn kết tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi; hỗ trợ xây dựng trường học tại tỉnh Bắc Kạn, Long An; tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa Chương trình Màu hoa đỏ năm 2010 cho đối tượng chính sách tỉnh Bình Định; ủng hộ nạn nhân chất độc da cam; ủng hộ Bệnh viện Đặng Thùy Trâm; đóng góp các quỹ do Tập đoàn Dầu khí phát động... số tiền trên 10,5 tỷ đồng.

- **Năm 2011:** Ủng hộ Chương trình khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho các đối tượng chính sách, người nghèo tỉnh Quảng Ngãi; xây dựng trường học mầm non tại huyện Kim Bảng và huyện Duy Tiên, tỉnh Hà

Nam; ủng hộ nhân dân Nhật Bản bị động đất, sóng thần; ủng hộ quân và dân đảo Trường Sa; tổ chức Chương trình “2.000 suất quà tết tặng người nghèo tỉnh Quảng Ngãi đón Xuân 2012”; ủng hộ các quỹ do Tập đoàn Dầu khí phát động... số tiền trên 12,6 tỷ đồng.

- **Năm 2012:** Tài trợ mổ mắt cho bệnh nhân nghèo, đối tượng chính sách tại tỉnh Quảng Ngãi; tặng 500 sổ tiết kiệm cho Thanh niên xung phong nghèo tỉnh Thanh Hóa; ủng hộ các hộ tiểu thương khắc phục cháy chợ trung tâm tỉnh Quảng Ngãi; tài trợ cho các bệnh nhi tại Bệnh viện Nhi Trung ương nhân dịp tết Nhâm Thìn 2012; đóng góp các quỹ do Tập đoàn Dầu khí phát động... số tiền trên 5,2 tỷ đồng.

- **Năm 2013:** Hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa tại tỉnh Ninh Bình, Cà Mau; tài trợ mổ mắt cho các bệnh nhân nghèo, đối tượng chính sách; hỗ trợ kinh phí tổ chức phòng khám lưu động cấp thuốc miễn phí cho người nghèo; tặng quà cho người nghèo tết



Đại diện Ban lãnh đạo, Công đoàn và Đoàn Thanh niên PVI thăm hỏi và tặng quà cho các thương binh tại Trung tâm Điều dưỡng thương binh Thuận Thành, Bắc Ninh



Đại diện Công đoàn Công ty Mẹ - Công ty Cổ phần PVI trao tặng quà ủng hộ cho đại diện Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ em tàn tật Thụy An, Ba Vì, Sơn Tây

2013 tại tỉnh Quảng Ngãi; hỗ trợ mua sắm thiết bị y tế Bệnh viện Dầu khí Dung Quất; phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh hùng; đóng góp các quỹ do Tập đoàn Dầu khí phát động; ủng hộ nhân dân miền Trung khắc phục hậu quả bão lụt... số tiền gần 16 tỷ đồng.

• **Năm 2014:** Hỗ trợ mua thiết bị y tế cho Bệnh xá Đặng Thùy Trâm; hỗ trợ quà tết cho người nghèo và Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Ngãi; hỗ trợ Hội TNXP tỉnh Hà Nam, tỉnh Thanh Hóa; hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết tại huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó tại trường THPT ở 2 huyện của Sa Pa, Lào Cai; phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh hùng; đóng góp các quỹ do Tập đoàn Dầu khí phát động; ủng hộ lực lượng cảnh sát biển và kiểm ngư Việt Nam; ủng hộ đồng bào lũ lụt, trao Quỹ Tấm lòng vàng hỗ trợ ngư dân mua bảo hiểm thân thể và bảo hiểm tàu cá, hưởng ứng chương trình "Tấm lưới nghĩa tình vì ngư dân Hoàng Sa"... số tiền trên 10 tỷ đồng.

• **Năm 2015:** Hỗ trợ Hội Cựu TNXP tỉnh Hà Nam; hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết tỉnh Cà Mau; nhà nhân ái tỉnh Quảng Ngãi; ủng hộ Quỹ khuyến học và hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó tại tỉnh Quảng Ngãi; ủng hộ xây dựng Khu tưởng niệm chiến sỹ Gạc Ma; phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh hùng; Quỹ Tương trợ Dầu khí, Quỹ Vì thế hệ trẻ, Quỹ Nghĩa tình đồng đội của Tập đoàn; ủng hộ đồng bào lũ lụt... số tiền gần 11 tỷ đồng.

• **Năm 2016:** PVI tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội như: nhân dịp tết Bính Thân tổ chức tặng quà cho người nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam; trao quà cho lực lượng công an và người dân thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc; xây nhà tình nghĩa tại tỉnh Bến Tre, Quảng Ngãi, Điện Biên; hỗ trợ trường trẻ em khuyết tật tại tỉnh Hậu Giang; ủng hộ xây dựng Khu tưởng niệm Nghĩa sĩ Hoàng Sa; ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt... số tiền trên 4,6 tỷ đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng, sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng, báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 398 /VN1A-HN-BC

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 2 năm 2017, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng, các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 2 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2452-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.413.874.717.692	2.125.673.640.511
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	120.236.661.554	24.259.119.937
1. Tiền	111		14.236.661.554	24.259.119.937
2. Các khoản tương đương tiền	112		106.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.144.882.365.744	1.037.305.245.744
1. Chứng khoán kinh doanh	121		37.085.880.000	110.349.793.765
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(22.203.514.256)	(68.044.548.021)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.130.000.000.000	995.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.924.723.772	1.021.434.277.819
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	62.879.577.751	113.644.755.768
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26.033.032.772	119.075.795.772
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	40.174.681.637	1.103.916.805.938
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(45.162.568.388)	(315.203.079.659)
IV. Hàng tồn kho	140		450.000	720.000
1. Hàng tồn kho	141		450.000	720.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.830.516.622	42.674.277.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	3.418.516.412	2.151.909.898
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		61.149.535.768	40.522.367.113
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14	262.464.442	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.477.914.843.271	5.047.363.777.115
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		269.478.800	269.478.800
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	269.478.800	269.478.800
II. Tài sản cố định	220		155.279.451.076	162.667.177.443
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	151.185.989.765	160.280.274.244
Nguyên giá	222		216.581.539.349	208.830.722.150
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.395.549.584)	(48.550.447.906)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	4.093.461.311	2.386.903.199
Nguyên giá	228		27.506.804.224	24.197.828.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.413.342.913)	(21.810.924.801)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	1.846.052.743.414	1.567.500.699.881
Nguyên giá	231		1.933.423.583.575	1.620.880.414.166
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(87.370.840.161)	(53.379.714.285)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	3.475.212.729.998	3.285.195.638.664
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.304.772.730.000	2.677.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	422.316.450.509
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.500.000.000	156.753.609.354
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(33.060.000.002)	(171.374.421.199)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		160.000.000.000	200.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.100.439.983	31.730.782.327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.100.439.983	31.730.782.327
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.891.789.560.963	7.173.037.417.626

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		531.365.553.985	895.073.256.634
I. Nợ ngắn hạn	310		272.073.494.486	352.493.499.203
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		9.420.486.854	9.885.306.197
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	89.181.461.745	40.195.274.968
3. Phải trả người lao động	314		9.120.462.448	9.444.258.318
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.232.442.584	74.406.728.376
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.337.858.774	14.608.771.018
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	122.536.957.315	158.831.384.203
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	-	15.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.243.824.766	30.121.776.123
II. Nợ dài hạn	330		259.292.059.499	542.579.757.431
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		237.106.109.490	216.587.430.622
2. Phải trả dài hạn khác	337	16	21.953.420.384	20.742.918.059
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	-	305.000.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		232.529.625	249.408.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.360.424.006.978	6.277.964.160.992
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	6.360.424.006.978	6.277.964.160.992
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(212.883.100.975)	(212.883.100.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		728.614.103.158	646.154.257.172
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		185.251.915.876	147.878.523.221
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421b		543.362.187.282	498.275.733.951
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.891.789.560.963	7.173.037.417.626



Đào Hải Yến
Người lập biểu



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	180.388.858.297	160.981.023.719
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		180.388.858.297	160.981.023.719
3. Giá vốn hàng bán	11	21	145.144.463.707	141.786.042.839
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		35.244.394.590	19.194.980.880
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	802.700.506.182	819.917.819.597
6. Chi phí tài chính	22	25	76.952.491.392	148.579.155.322
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.478.619.445	34.575.410.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	123.004.548.925	122.962.516.013
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		637.987.860.455	567.571.129.142
9. Thu nhập khác	31		1.263.972.553	2.210.500.003
10. Chi phí khác	32		1.947.257.748	37.318.182
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(683.285.195)	2.173.181.821
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		637.304.575.260	569.744.310.963
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	93.942.387.978	39.691.688.265
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		543.362.187.282	530.052.622.698



Đào Hải Yến
Người lập biểu



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Vạn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	637.304.575.260	569.774.310.963
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	55.657.182.728	42.997.435.180
Các khoản dự phòng	03	22.742.205.844	67.375.188.695
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(759.918.137.291)	(819.917.819.597)
Chi phí lãi vay	06	11.478.619.445	34.575.410.000
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(32.735.554.014)	(105.225.474.759)
Thay đổi các khoản phải thu	09	225.418.928.095	(437.939.811.033)
Thay đổi hàng tồn kho	10	270.000	720.000
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(125.920.165.756)	390.617.779.509
Thay đổi chi phí trả trước	12	29.363.735.830	33.803.600.358
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	73.263.913.765	19.266.650.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.998.619.445)	(45.105.145.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(45.836.820.770)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	109.555.687.705	(144.581.681.481)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(6.223.154.079)	(13.213.417.647)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	268.375.838	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.045.000.000.000)	(895.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.500.000.000.000	886.642.098.722
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(646.022.730.000)	(68.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	1.708.727.000.489	203.966.650.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	239.646.855.664	463.302.275.715
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	751.396.347.912	577.197.606.790

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

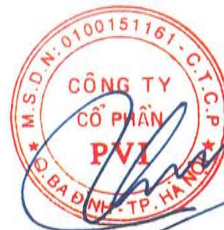
Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU (Tiếp theo)	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(50.468.120.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	360.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(320.000.000.000)	(570.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(444.974.494.000)	(199.552.461.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(764.974.494.000)	(460.020.581.930)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	95.977.541.617	(27.374.656.621)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.259.119.937	51.663.776.558
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	120.236.661.554	24.259.119.937

Đào Hải Yến
Người lập biểu

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi, bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 1 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 45 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 43 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến

Báo cáo tài chính riêng

Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần Đầu tư PV2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
 - Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
 - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)
 - Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) (i)
- (i) Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 8 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 5 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 53/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016 (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 53 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

c. Đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF")

Khoản đầu tư góp vốn vào POF được phản ánh trên cơ sở giá gốc. Thu nhập phát sinh từ khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi từ Ban Đại diện Quỹ vào thời điểm cuối năm.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào POF được ghi nhận khi giá trị vốn góp của các bên tại POF lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có (NAV) của POF tại thời điểm cuối năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ nhằm thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước khác.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013).

Theo đó, “các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)". Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 VND sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 3 năm. Phần giá trị chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa chưa phân bổ hết tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 được Công ty xác định sẽ phân bổ vào chi phí trong thời gian 2 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm cuối cùng phân bổ khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa này.

Các khoản chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một khoản cho thuê được xem là cho thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính riêng này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa niên độ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	611.381.929	417.814.651
Tiền gửi ngân hàng	13.625.279.625	23.841.305.286
Các khoản tương đương tiền (i)	106.000.000.000	-
	120.236.661.554	24.259.119.937

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh	37.085.880.000	14.882.365.744	(22.203.514.256)	42.305.245.744
- Tổng giá trị cổ phiếu	37.085.880.000	14.882.365.744	(22.203.514.256)	42.305.245.744
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.290.000.000.000	1.290.000.000.000	-	1.195.000.000.000
b1) Ngắn hạn	1.130.000.000.000	1.130.000.000.000	-	995.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.130.000.000.000	1.130.000.000.000	-	545.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác (ii)	-	-	-	450.000.000.000
b2) Dài hạn	160.000.000.000	160.000.000.000	-	200.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (i)	160.000.000.000	160.000.000.000	-	200.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.348.272.730.000	3.514.691.655.869	(33.060.000.002)	3.311.916.118.739
- Đầu tư vào công ty con	3.304.772.730.000	3.504.251.655.871	-	2.843.881.286.193
+ Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.600.000.000.000	2.715.550.514.350	-	2.211.087.755.377
+ Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	460.000.000.000	532.637.784.479	-	512.815.500.989
+ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	17.500.000.000	19.593.046.193	-	18.824.859.271
+ Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	227.272.730.000	236.470.310.849	-	101.153.170.556
- Đầu tư vào công ty liên kết (iii)	-	-	-	285.089.638.666
- Đầu tư vào đơn vị khác	43.500.000.000	10.439.999.998	(33.060.000.002)	182.945.193.880
				(34.147.609.356)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

(ii) Các khoản đầu tư khác phản ánh hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản. Trong năm, Công ty đã thực hiện tất toán toàn bộ giá trị hợp đồng này.

(iii) Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần PV2. Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đầu tư vào các công ty liên kết này.

Thông tin chi tiết về các công ty con thuộc sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Hà Nội	22,73	100	Quỹ đầu tư

Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"):

POF được thành lập ngày 8 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 5 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.000.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”) (Tiếp theo)

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ góp vốn %
Công ty Cổ phần PVI	227.272.730.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	568.181.820.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	204.545.450.000	20,45
	1.000.000.000.000	100

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong năm: các công ty con của Công ty trong năm 2016 hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký và không có thay đổi trọng yếu nào về hoạt động kinh doanh so với năm trước.

- Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và các công ty con trong năm gồm:

+ Công ty Mẹ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin (cung cấp phần mềm, cung cấp đường truyền dữ liệu) cho các công ty con;

+ Các công ty con chia lợi nhuận cho Công ty Mẹ/chia cổ tức cho Công ty Mẹ;

+ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý danh mục đầu tư cho Công ty Mẹ và các công ty con khác của Công ty Mẹ; nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư từ Công ty Mẹ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được xác định theo giá thực tế trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được xác định theo giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Với các khoản chứng khoán kinh doanh khác, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau (Tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được phản ánh thay cho giá trị hợp lý.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Dự thu lãi đầu tư	49.661.388.889	44.620.916.661
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13.218.188.862	69.023.839.107
	62.879.577.751	113.644.755.768

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	40.174.681.637	1.103.916.805.938
- Tạm ứng cho người lao động	247.153.500	546.761.541
- Phải thu về chuyển nhượng vốn góp (i)	-	780.000.000.000
- Phải thu khác (ii)	39.927.528.137	323.370.044.397
b) Dài hạn	269.478.800	269.478.800
- Ký cược, ký quỹ	269.478.800	269.478.800

(i) Số dư đầu năm phản ánh khoản phải thu về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life. Số tiền này đã được bên mua thanh toán trong năm 2016.

(ii) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư đến hạn thanh toán được phân loại lại sang các khoản phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu	45.162.568.388	45.162.568.388	-	315.203.079.659	315.203.079.659	-

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu đã trích lập dự phòng được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng đã trích lập.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm..., theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Khả năng thu hồi các khoản phải thu đã trích lập dự phòng thấp do các đối tác của Công ty đều gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	116.062.603.669	10.552.440.384	82.215.678.097	-	208.830.722.150
Tăng trong năm	-	-	3.017.977.855	8.002.079.194	11.020.057.049
- Mua sắm mới	-	-	3.017.977.855	8.002.079.194	11.020.057.049
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.269.239.850)	-	(3.269.239.850)
Số dư cuối năm	116.062.603.669	10.552.440.384	81.964.416.102	8.002.079.194	216.581.539.349
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	16.736.334.712	9.809.445.597	22.004.667.597	-	48.550.447.906
Trích khấu hao trong năm	6.585.931.545	409.139.341	13.068.567.854	-	20.063.638.740
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.218.537.062)	-	(3.218.537.062)
Số dư cuối năm	23.322.266.257	10.218.584.938	31.854.698.389	-	65.395.549.584
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	99.326.268.957	742.994.787	60.211.010.500	-	160.280.274.244
Tại ngày cuối năm	92.740.337.412	333.855.446	50.109.717.713	8.002.079.194	151.185.989.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 18.483.296.307 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 15.837.455.092 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	24.197.828.000
Tăng trong năm	3.308.976.224
- Mua sắm mới	3.308.976.224
Số dư cuối năm	27.506.804.224
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	21.810.924.801
Trích khấu hao trong năm	1.602.418.112
Số dư cuối năm	23.413.342.913
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	2.386.903.199
Tại ngày cuối năm	4.093.461.311

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 20.527.112.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 19.645.112.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	1.201.971.027.928	-	-	1.201.971.027.928
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.201.971.027.928	-	-	1.201.971.027.928
Giá trị hao mòn lũy kế	53.379.714.285	33.991.125.876	-	87.370.840.161
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	53.379.714.285	33.991.125.876	-	87.370.840.161
Giá trị còn lại	1.148.591.313.643	(33.991.125.876)	-	1.114.600.187.767
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.148.591.313.643	(33.991.125.876)	-	1.114.600.187.767
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647

(i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê phản ánh phần giá trị của tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành và cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 39,5 năm.

(ii) Thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ với mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này theo quy định hiện hành.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.418.516.412	2.151.909.898
- Chi phí trang trí nội thất tòa nhà PVI	3.418.516.412	2.151.909.898
b) Dài hạn	1.100.439.983	31.730.782.327
- Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa	-	26.723.174.402
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.100.439.983	5.007.607.925
	4.518.956.395	33.882.692.225

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	262.464.442	-	262.464.442
Cộng	-	262.464.442	-	262.464.442
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	14.634.645.794	14.634.645.794	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.429.223.823	94.204.852.420	45.836.820.770	87.797.255.473
Thuế, phí phải nộp khác	766.051.145	12.105.174.228	11.487.019.101	1.384.206.272
Cộng	40.195.274.968	120.944.672.442	71.958.485.665	89.181.461.745

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Lãi vay dự trả	-	2.520.000.000
- Phải trả xây dựng tòa nhà PVI	-	64.368.531.150
- Khác	2.232.442.584	7.518.197.226
	2.232.442.584	74.406.728.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	122.536.957.315	158.831.384.203
- Kinh phí công đoàn	612.466.774	520.805.756
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	121.924.490.541	158.310.578.447
b) Dài hạn	21.953.420.384	20.742.918.059
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.953.420.384	20.742.918.059

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (vay dài hạn đến hạn trả)						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-	-
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	305.000.000.000	305.000.000.000	-	305.000.000.000	-	-
Cộng	320.000.000.000	320.000.000.000	-	320.000.000.000	-	-

Vay dài hạn thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2015/VIB-PVI ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 với số tiền 360.000.000.000 VND. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nợ gốc vay sẽ được trả 14 lần theo kỳ hạn 6 tháng/kỳ bắt đầu vào ngày đầu tiên sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Số tiền phải trả từ kỳ 1 đến kỳ 13 là 25.700.000.000 VND, dư nợ gốc còn lại trả vào kỳ cuối của khoản vay. Lãi suất vay cố định trong 3 tháng đầu kể từ ngày rút vốn đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do VIB công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Trong năm, Công ty đã thực hiện tất toán hợp đồng vay dài hạn này.

MẪU SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(162.414.980.975)	179.211.820.775	350.423.034.902	6.032.701.058.722
Thay đổi cổ phiếu quỹ	-	-	(50.468.120.000)	-	-	(50.468.120.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	530.052.622.698	530.052.622.698
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(34.263.778.128)	(34.263.778.128)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(200.057.622.300)	(200.057.622.300)
Số dư đầu năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	646.154.257.172	6.277.964.160.992
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	543.362.187.282	543.362.187.282
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(15.927.847.296)	(15.927.847.296)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(444.974.494.000)	(444.974.494.000)
Số dư cuối năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	728.614.103.158	6.360.424.006.978

- (i) Trong năm, Công ty trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2016.
- (ii) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 20% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-PV/ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức đã chia	(444.974.494.000)	(200.057.622.300)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.754.600	11.754.600
Cổ phiếu phổ thông	11.754.600	11.754.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	222.487.267	222.487.267
Cổ phiếu phổ thông	222.487.267	222.487.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại			
+ Đô la Mỹ	USD	12.832,69	12.778,49
+ Euro	EUR	341,56	353,30
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	270.040.511.271	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê văn phòng	132.345.622.119	124.400.099.841
Doanh thu hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	48.043.236.178	36.580.923.878
	180.388.858.297	160.981.023.719

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	50.037.204.787	53.387.734.414
Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	7.459.570.561	9.432.020.218
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	3.494.991.513	1.612.700.000

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	103.173.768.083	108.790.002.962
Giá vốn hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	41.970.695.624	32.996.039.877
	145.144.463.707	141.786.042.839

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	24.819.604.534	28.233.070.096
Chi phí văn phòng	4.795.009.192	7.596.430.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.687.103.275	7.949.272.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.984.875.986	23.354.381.521
Chi phí khác bằng tiền	59.717.955.938	55.829.361.761
	123.004.548.925	122.962.516.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	24.819.604.534	28.233.070.096
Chi phí văn phòng	4.795.009.192	7.596.430.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.657.182.728	42.997.435.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.814.724.537	75.044.565.350
Chi phí khác bằng tiền	119.062.491.641	110.877.057.849
	268.149.012.632	264.748.558.852

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	67.205.964.963	58.964.957.441
Cổ tức, lợi nhuận được chia	164.539.908.702	292.769.666.323
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	530.830.847.667	468.000.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	40.123.784.850	183.195.833
	802.700.506.182	819.917.819.597

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	87.905.301	244.536.590
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	22.742.205.844	79.409.471.266
Chi phí lãi vay	11.478.619.445	34.575.410.000
Chi phí tài chính khác	42.643.760.802	34.349.737.466
	76.952.491.392	148.579.155.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	637.304.575.260	569.744.310.963
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(201.659.603.220)	(296.769.666.323)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(164.539.908.702)	(292.769.666.323)
- Dự phòng đầu tư tài chính đã loại ở năm trước được trừ ở năm nay	(36.105.700.000)	(4.000.000.000)
- Thu nhập không chịu thuế khác	(1.013.994.518)	-
Trừ: Chuyển lỗ các năm trước	-	(97.763.941.026)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.028.531.933	5.206.061.228
- Thù lao Hội đồng Quản trị	96.000.000	96.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	25.726.027	104.333.333
- Chi phí khác không được khấu trừ	2.906.805.906	5.005.727.895
Thu nhập chịu thuế	438.673.503.973	180.416.764.842
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	87.734.700.795	39.691.688.265
Thuế nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra thuế	6.207.687.184	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	93.942.387.979	39.691.688.265

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	320.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	120.236.661.554	24.259.119.937
Nợ thuần	-	295.740.880.063
Vốn chủ sở hữu	6.360.424.006.978	6.277.964.160.992
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,05

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.236.661.554	120.236.661.554	24.259.119.937	24.259.119.937
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.914.016.300	57.914.016.300	902.081.199.306	902.081.199.306
Đầu tư tài chính	1.315.322.365.742	1.315.322.365.742	1.359.911.245.742	1.420.250.439.624
Tổng cộng	1.493.473.043.596	1.493.473.043.596	2.286.251.564.985	2.346.590.758.867
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	153.299.194.723	153.299.194.723	189.459.608.459	189.459.608.459
Chi phí phải trả	2.232.442.584	2.232.442.584	74.406.728.376	74.406.728.376
Các khoản vay	-	-	320.000.000.000	320.000.000.000
Tổng cộng	155.531.637.307	155.531.637.307	583.866.336.835	583.866.336.835

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 6.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Các khoản đầu tư vào công ty con không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ trong dài hạn và sẽ chuyển nhượng khi có điều kiện thuận lợi.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 9.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai.

Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiến mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.236.661.554	-	120.236.661.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.644.537.500	269.478.800	57.914.016.300
Đầu tư tài chính	1.144.882.365.744	170.439.999.998	1.315.322.365.742
Tổng cộng	1.322.763.564.798	170.709.478.798	1.493.473.043.596
Phải trả người bán và phải trả khác	131.345.774.339	21.953.420.384	153.299.194.723
Chi phí phải trả	2.232.442.584	-	2.232.442.584
Các khoản vay	-	-	-
Tổng cộng	133.578.216.923	21.953.420.384	155.531.637.307
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.189.185.347.875	148.756.058.414	1.337.941.406.289
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền	24.259.119.937	-	24.259.119.937
Phải thu khách hàng và phải thu khác	901.811.720.506	269.478.800	902.081.199.306
Đầu tư tài chính	1.037.305.245.744	322.605.999.998	1.359.911.245.742
Tổng cộng	1.963.376.086.187	322.875.478.798	2.286.251.564.985
Phải trả người bán và phải trả khác	168.716.690.400	20.742.918.059	189.459.608.459
Chi phí phải trả	74.406.728.376	-	74.406.728.376
Các khoản vay	15.000.000.000	305.000.000.000	320.000.000.000
Tổng cộng	258.123.418.776	325.742.918.059	583.866.336.835
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.705.252.667.411	(2.867.439.261)	1.702.385.228.150

Ban Tổng giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.



Đào Hải Yến
Người lập biểu



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



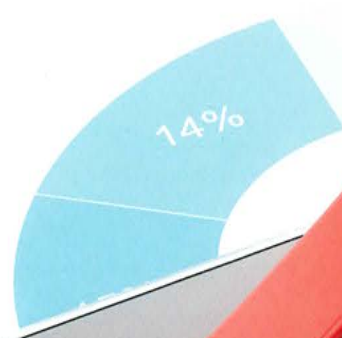
Bùi Vạn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

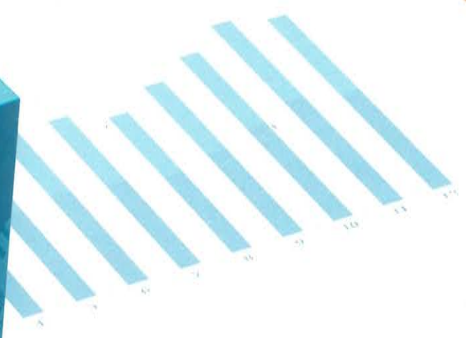
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



17	99.83	16.64	0.323044069
33	516.5	15.65	0.283720087
63	329.17	10.97	0.180160946
29	998.87	15.81	0.172184709
201	20.33	0.7	0.016982048



2.36
2.19
29.38
41.75



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng, sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc



Bùi Vạn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 399/VN1A-HN-BC

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 2 năm 2017, từ trang 5 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2452-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.126.313.759.061	12.527.146.085.646
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	706.885.123.558	758.738.988.078
1. Tiền	111		210.885.123.558	333.738.988.078
2. Các khoản tương đương tiền	112		496.000.000.000	425.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.290.261.700.621	5.833.067.587.118
1. Chứng khoán kinh doanh	121		227.513.580.247	158.392.135.139
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(22.203.514.257)	(68.044.548.021)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.084.951.634.631	5.742.720.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.857.861.819.169	5.723.479.179.426
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.228.327.995.927	4.730.246.042.495
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		245.059.667.626	169.838.421.326
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	693.388.502.471	1.342.028.470.328
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(308.914.346.855)	(518.633.754.723)
IV. Hàng tồn kho	140		8.218.238.815	2.457.894.310
1. Hàng tồn kho	141		8.218.238.815	2.457.894.310
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		263.086.876.898	209.402.436.714
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	175.093.071.207	153.788.546.126
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		70.902.129.452	43.440.533.719
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	17.091.676.239	12.173.356.869
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.516.247.016.894	2.980.277.086.583
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.074.229.514	20.054.676.221
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	23.074.229.514	20.054.676.221
II. Tài sản cố định	220		301.785.328.644	277.385.492.820
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	212.532.063.227	216.364.497.915
Nguyên giá	222		357.573.851.065	328.895.243.730
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.041.787.838)	(112.530.745.815)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	89.253.265.417	61.020.994.905
Nguyên giá	228		167.633.613.500	118.690.662.723
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.380.348.083)	(57.669.667.818)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	1.846.052.743.414	1.567.500.699.881
Nguyên giá	231		1.933.423.583.575	1.620.880.414.166
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(87.370.840.161)	(53.379.714.285)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN (Tiếp theo)	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.478.803.526	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		907.634.717	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.571.168.809	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	302.031.465.624	1.067.330.493.363
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	333.172.027.732
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		455.301.399.865	568.700.276.773
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(313.269.934.241)	(114.541.811.142)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		160.000.000.000	280.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		39.824.446.172	48.005.724.298
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	20.989.255.406	48.005.724.298
2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	262		18.835.190.766	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.642.560.775.955	15.507.423.172.229

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.821.118.850.467	8.773.459.800.754
I. Nợ ngắn hạn	310		9.712.408.608.443	8.373.669.642.252
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.761.423.619.445	1.513.912.984.878
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		363.983.345.094	155.164.227.025
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	119.949.475.893	62.974.658.636
4. Phải trả người lao động	314		109.669.277.404	70.194.346.440
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.792.061.302	75.297.993.929
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		37.939.911.890	33.957.998.636
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	49.474.872.149	177.884.825.197
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	-	15.000.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	7.235.052.600.876	6.237.172.055.057
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.123.444.390	32.110.552.454
II. Nợ dài hạn	330		108.710.242.024	399.790.158.502
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		84.592.560.483	71.722.979.988
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	21.846.807.001	20.638.304.676
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	-	305.000.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	2.270.874.540	2.428.873.838
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.821.441.925.488	6.733.963.371.475
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	6.821.441.925.488	6.733.963.371.475
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(212.883.100.975)	(212.883.100.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		130.673.311.056	121.923.844.478
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		829.318.903.385	761.177.139.042
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		298.164.274.256	196.735.476.836
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		531.154.629.129	564.441.662.206
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		229.639.807.227	219.052.484.135
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.642.560.775.955	15.507.423.172.229

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng

Bùi Vạn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	8.074.062.845.882	8.739.824.385.238
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	3.288.006.910.031	4.192.445.302.952
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		4.786.055.935.851	4.547.379.082.286
4. Giá vốn hàng bán	11	25	4.229.612.248.320	3.922.413.638.461
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		556.443.687.531	624.965.443.825
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.084.213.268.219	1.180.985.537.839
7. Chi phí tài chính	22	29	428.416.767.652	361.684.232.763
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.478.619.445	34.575.410.000
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		-	152.774.163
9. Chi phí bán hàng	25		-	69.833.182.184
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	497.153.873.452	665.409.757.330
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		715.086.314.646	709.176.583.550
12. Thu nhập khác	31		5.076.713.002	2.945.472.613
13. Chi phí khác	32		5.974.284.502	3.665.608.674
14. (Lỗ) nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(897.571.500)	(720.136.061)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		714.188.743.146	708.456.447.489
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	159.380.728.227	132.202.211.318
17. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		(18.835.190.766)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		573.643.205.685	576.254.236.171
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		539.658.050.414	600.520.069.955
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		33.985.155.271	75.734.166.216
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.232	2.548

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	714.188.743.146	708.456.447.489
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	89.929.220.922	115.046.393.080
Các khoản dự phòng	03	297.835.878.494	(739.568.578.319)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.539.095.006	11.748.866.656
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(927.312.870.320)	(989.550.148.515)
Chi phí lãi vay	06	11.478.619.445	34.575.410.000
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	197.658.686.693	(859.291.609.609)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(553.205.575.965)	174.360.156.261
Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.760.344.505)	(346.754.990)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	585.618.935.163	1.480.820.775.228
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.711.943.811	108.937.951.483
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(69.121.445.108)	(28.775.691.374)
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.998.619.445)	(45.105.145.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(123.780.425.501)	(131.538.839.423)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	7.949.587.869
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.410.959.378)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.712.195.765	707.010.429.889
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(533.700.199.270)	(47.569.850.460)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	268.375.838	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.925.618.640.551)	(8.043.265.829.735)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.136.286.467.896	6.994.753.519.149
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18.750.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.678.476.000.489	203.966.650.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	386.493.632.647	575.745.405.793
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	723.455.637.049	(316.370.105.253)

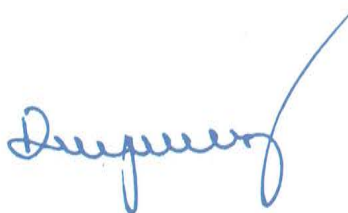
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU (Tiếp theo)	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	652.980.000	66.500.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(54.938.880.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	5.000.000.000	365.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(325.000.000.000)	(575.000.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(475.674.677.334)	(227.286.968.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(795.021.697.334)	(425.725.848.304)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(51.853.864.520)	(35.085.523.668)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	758.738.988.078	793.824.511.746
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	706.885.123.558	758.738.988.078

**Lâm Thị Lan Phương**
Người lập biểu**Trần Duy Cường**
Kế toán trưởng**Bùi Văn Thuận**
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 1 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.384 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.201 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần Đầu tư PV2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) (i)

(i) Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 8 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 5 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 53/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016 (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 53 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát và Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”) (gọi chung là các “công ty con”) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm đầu tư vào công ty liên kết).

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng bồi thường và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”) và quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao (Tiếp theo)

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và nhà dự án do Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ nhằm thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước khác.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, “các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 VND sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa (Tiếp theo)

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 3 năm. Phần giá trị chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa chưa phân bổ hết tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 được Công ty xác định sẽ phân bổ vào chi phí trong thời gian 2 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm cuối cùng phân bổ khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa này.

Các khoản chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chính sách kế toán đối với các khoản chi phí trả trước về hoa hồng bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phần “chi phí”.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một khoản cho thuê được xem là cho thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa niên độ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Ngày 1 tháng 7 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Nghị định 73 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2016. Công ty đang chờ Thông tư hướng dẫn chi tiết cho việc áp dụng Nghị định này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Dự phòng phí chưa được hưởng:

Áp dụng tại Tổng công ty Bảo hiểm PVI:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng: Dự phòng phí trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày).

- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính trên phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính trên phí nhượng tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24.

Áp dụng tại Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI:

Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI thực hiện thay đổi phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng theo phê duyệt của Bộ Tài chính kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, cụ thể:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại.

- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% của tổng phí bảo hiểm giữ lại (năm tài chính 2015 áp dụng theo phương pháp 1/24).

Dự phòng bồi thường:

- Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

- Đối với các tổn thất đã phát sinh chưa được thông báo từ khách hàng (IBNR):

- Tổng công ty Bảo hiểm PVI trích lập dựa trên thống kê dữ liệu trong quá khứ.
- Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) thực hiện thay đổi phương pháp trích lập IBNR theo phê duyệt của Bộ Tài chính kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, theo đó IBNR được trích lập theo tỷ lệ 5% phí bảo hiểm giữ lại (năm tài chính 2015 trích lập dựa trên thống kê dữ liệu trong quá khứ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (Tiếp theo)

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định nêu trên của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi phương pháp dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường tại Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm (trên báo cáo tài chính hợp nhất này được theo dõi trên khoản mục "Phải thu khách hàng").

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 125/2012/TT-BTC nêu trên. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; (2) hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực và (3) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc trong thời gian cho nợ phí theo quy định (tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực). Việc ghi nhận này cũng được áp dụng cho ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm của kỳ đóng phí đầu tiên đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, các kỳ tiếp theo chỉ ghi nhận doanh thu khi khách hàng đã đóng đủ phí theo thỏa thuận Hợp đồng.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty. Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm (Tiếp theo)

Trong năm, hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bằng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”.

Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế của các công ty bảo hiểm với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của các công ty này. Quỹ dự trữ bắt buộc được phản ánh vào khoản mục “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.721.943.565	1.701.011.844
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	209.022.306.608	331.991.976.234
Tiền đang chuyển	140.873.385	46.000.000
Các khoản tương đương tiền (i)	496.000.000.000	425.000.000.000
	706.885.123.558	758.738.988.078

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
a) Chứng khoán kinh doanh	227.513.580.247	207.951.145.694	(22.203.514.257)	158.392.135.139
- Tổng giá trị cổ phiếu	227.513.580.247	207.951.145.694	(22.203.514.257)	158.392.135.139
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.244.951.634.631	6.244.951.634.631	-	6.022.720.000.000
b1) Ngắn hạn	6.084.951.634.631	6.084.951.634.631	-	5.742.720.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	6.084.951.634.631	6.084.951.634.631	-	5.292.720.000.000
- Các khoản đầu tư khác (ii)	-	-	-	450.000.000.000
b2) Dài hạn	160.000.000.000	160.000.000.000	-	280.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn(i)	160.000.000.000	160.000.000.000	-	270.000.000.000
- Trái phiếu	-	-	-	10.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	455.301.399.865	191.993.677.659	(313.269.934.241)	901.872.304.505
- Đầu tư vào công ty liên kết (iii)	-	-	-	333.172.027.732
- Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	455.301.399.865	191.993.677.659	(313.269.934.241)	568.700.276.773

(i) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn) và có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn) tại các tổ chức tín dụng trong nước.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(ii) Các khoản đầu tư khác phản ánh hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản và trong năm Công ty đã thực hiện tất toán toàn bộ giá trị hợp đồng này.

(iii) Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần Đầu tư PV2. Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đầu tư vào các công ty liên kết này.

(iv) Thể hiện khoản góp vốn vào các công ty với thời hạn nắm giữ trên 1 năm.

Thông tin chi tiết về các công ty con thuộc sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Hà Nội	22,73	100	Quỹ đầu tư

Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"):

POF được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.000.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	227.272.730.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	568.181.820.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	204.545.450.000	20,45
	1.000.000.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được xác định theo giá thực tế trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được xác định theo giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Với các khoản chứng khoán kinh doanh khác, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.
- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	470.430.572.821	291.093.753.940
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	182.360.767.714	128.548.121.855
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	639.694.952.594	493.060.695.942
Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm (i)	4.655.297.061.408	3.535.354.539.837
Phải thu về hoạt động tài chính	222.824.034.975	263.550.855.917
Phải thu về hoạt động kinh doanh phi bảo hiểm	57.720.606.415	18.638.075.004
	6.228.327.995.927	4.730.246.042.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	26.526.106.354	58.140.350.626

(i) Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm phản ánh giá trị của tài sản tái bảo hiểm bao gồm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	693.388.502.471	1.342.028.470.328
- Tạm ứng cho người lao động	32.934.385.407	30.447.062.132
- Ký cược, ký quỹ (i)	437.847.103.669	1.738.387.346
- Phải thu về chuyển nhượng vốn góp (ii)	-	780.000.000.000
- Phải thu khác (iii)	222.607.013.395	529.843.020.850
b) Dài hạn	23.074.229.514	20.054.676.221
- Ký cược, ký quỹ	23.074.229.514	20.054.676.221

(i) Ký cược, ký quỹ chủ yếu bao gồm khoản đặt cọc nhận chuyển nhượng dự án với số tiền 436 tỷ VND.

(ii) Số dư đầu năm phản ánh khoản phải thu về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life. Số tiền này đã được bên mua thanh toán vào ngày 7 tháng 1 năm 2016.

(iii) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư đến hạn thanh toán được phân loại lại sang phải thu khác.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu	420.183.289.994	(308.914.346.855)	111.268.943.139	(518.633.754.723)
			719.988.518.302	201.354.763.579

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Một số khoản phải thu đã trích lập dự phòng có khả năng thu hồi thấp do đối tác của Công ty gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu đã trích lập dự phòng được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	130.856.740.026	63.969.652.779	134.068.850.925	-	328.895.243.730
Tăng trong năm	5.983.814.529	8.182.352.449	10.817.721.299	8.002.079.194	32.985.967.471
- Mua sắm mới	5.983.814.529	8.182.352.449	10.734.221.299	8.002.079.194	32.902.467.471
- Tăng khác	-	-	83.500.000	-	83.500.000
Thanh lý trong năm	-	2.298.777.953	411.053.183	-	2.709.831.136
Giảm khác trong năm	1.518.029.000	-	79.500.000	-	1.597.529.000
Số dư cuối năm	135.322.525.555	69.853.227.275	144.396.019.041	8.002.079.194	357.573.851.065
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	21.538.764.864	43.521.754.754	47.470.226.197	-	112.530.745.815
Trích khấu hao trong năm	7.251.148.197	6.854.502.934	21.121.763.650	-	35.227.414.781
Tăng khác	-	405.964.156	-	-	405.964.156
Thanh lý trong năm	-	2.298.777.953	349.092.469	-	2.647.870.422
Giảm khác trong năm	455.793.277	-	18.673.215	-	474.466.492
Số dư cuối năm	28.334.119.784	48.483.443.891	68.224.224.163	-	145.041.787.838
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	109.317.975.162	20.447.898.025	86.598.624.728	-	216.364.497.915
Tại ngày cuối năm	106.988.405.771	21.369.783.384	76.171.794.878	8.002.079.194	212.532.063.227

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 55.816.539.818 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 48.937.265.300 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	27.581.865.340	91.108.797.383	118.690.662.723
Tăng trong năm	15.458.699.553	33.484.251.224	48.942.950.777
- Mua sắm mới	15.458.699.553	33.484.251.224	48.942.950.777
Số dư cuối năm	43.040.564.893	124.593.048.607	167.633.613.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	639.845.139	57.029.822.679	57.669.667.818
Trích khấu hao trong năm	160.327.183	20.550.353.082	20.710.680.265
Số dư cuối năm	800.172.322	77.580.175.761	78.380.348.083
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	26.942.020.201	34.078.974.704	61.020.994.905
Tại ngày cuối năm	42.240.392.571	47.012.872.846	89.253.265.417

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 45.692.008.435 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 37.600.481.382 VND).

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	1.201.971.027.928	-	-	1.201.971.027.928
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.201.971.027.928	-	-	1.201.971.027.928
Giá trị hao mòn lũy kế	53.379.714.285	33.991.125.876	-	87.370.840.161
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	53.379.714.285	33.991.125.876	-	87.370.840.161
Giá trị còn lại	1.148.591.313.643	(33.991.125.876)	-	1.114.600.187.767
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.148.591.313.643	(33.991.125.876)	-	1.114.600.187.767
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

(i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê phản ánh phần giá trị của Tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành và cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 39,5 năm.

(ii) Thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ với mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này theo quy định hiện hành.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	175.093.071.207	153.788.546.126
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	154.569.967.827	137.576.250.842
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.523.103.380	16.212.295.284
b) Dài hạn	20.989.255.406	48.005.724.298
- Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa	-	26.723.174.402
- Chi phí trả trước dài hạn khác	20.989.255.406	21.282.549.896
	196.082.326.613	201.794.270.424

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

a) Các khoản phải trả người bán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	336.933.488.508	332.327.121.645
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	250.942.317.395	233.700.910.732
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	1.090.577.192.401	903.929.115.396
Các khoản phải trả khác của khách hàng	82.970.621.141	43.955.837.105
	1.761.423.619.445	1.513.912.984.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (Tiếp theo)

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	758.100	3.721.959
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	361.502.293	70.689.211.257

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.173.356.869	40.621.691.220	45.540.010.590	17.091.676.239
Cộng	12.173.356.869	40.621.691.220	45.540.010.590	17.091.676.239
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.757.377.512	352.257.402.607	337.643.880.750	20.370.899.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.000.939.450	120.878.597.812	78.240.414.911	90.639.122.351
Thuế thu nhập cá nhân	882.361.876	3.474.883.232	3.439.613.457	917.631.651
Thuế, phí phải nộp khác	8.333.979.798	33.203.538.429	33.515.695.705	8.021.822.522
Cộng	62.974.658.636	509.814.422.080	452.839.604.823	119.949.475.893

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Lãi vay dự trả	-	2.520.000.000
- Phải trả xây dựng tòa nhà PVI	-	64.368.531.150
- Khác	2.792.061.302	8.409.462.779
	2.792.061.302	75.297.993.929

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	49.474.872.149	177.884.825.197
- Các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn	4.986.547.776	2.175.578.130
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	52.751.207	(111.659.610)
- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	44.435.573.166	175.820.906.677
b) Dài hạn	21.846.807.001	20.638.304.676
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.846.807.001	20.638.304.676

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Dự phòng phí chưa được hưởng	3.064.526.001.019	2.964.155.465.687
- Dự phòng bồi thường	4.034.632.426.709	3.148.478.796.871
- Dự phòng dao động lớn	135.894.173.148	124.537.792.499
	7.235.052.600.876	6.237.172.055.057

b) Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng phải trả dài hạn khác	2.270.874.540	2.428.873.838
	2.270.874.540	2.428.873.838

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng				Số có khả	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	305.000.000.000	305.000.000.000	-	305.000.000.000	-	-
Cộng	320.000.000.000	320.000.000.000	5.000.000.000	325.000.000.000	-	-

(i) Thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (“VIB”) theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2015/VIB-PVI ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 với số tiền 360.000.000.000 VND. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nợ gốc vay sẽ được trả 14 lần theo kỳ hạn 6 tháng/kỳ bắt đầu vào ngày đầu tiên sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Số tiền phải trả từ kỳ 1 đến kỳ 13 là 25.700.000.000 VND, dư nợ gốc còn lại trả vào kỳ cuối của khoản vay. Lãi suất vay cố định trong 3 tháng đầu kể từ ngày rút vốn đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do VIB công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Trong năm, Công ty đã thực hiện tất toán hợp đồng vay dài hạn này.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(162.414.980.975)	179.211.820.775	107.238.446.440	401.714.279.684	696.265.997.147	6.887.496.747.091
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	17.500.000.000	17.500.000.000
Thay đổi cổ phiếu quỹ	-	-	(50.468.120.000)	-	-	-	-	(50.468.120.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	576.254.236.171	-	576.254.236.171
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	24.265.833.784	(24.265.833.784)	-
Trích quỹ dự trữ bất	-	-	-	-	14.685.398.038	(14.685.398.038)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(34.263.778.128)	-	(34.263.778.128)
Thay đổi do thoái vốn tại Công ty con (Giảm) khác	-	-	-	-	-	(200.057.622.300)	(33.904.000.000)	(233.961.622.300)
	-	-	-	-	-	13.128.814.082	(435.398.683.315)	(422.269.869.233)
	-	-	-	-	-	(5.179.226.213)	(1.144.995.913)	(6.324.222.126)
Số dư đầu năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	121.923.844.478	761.177.139.042	219.052.484.135	6.733.963.371.475
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	573.643.205.685	-	573.643.205.685
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(33.985.155.271)	33.985.155.271	-
Trích quỹ dự trữ bất buộc	-	-	-	-	8.503.421.285	(8.503.421.285)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(15.927.847.296)	-	(15.927.847.296)
Trích quỹ khác	-	-	-	-	246.045.293	(246.045.293)	-	-
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(444.974.494.000)	(22.572.833.334)	(467.547.327.334)
(Giảm) khác	-	-	-	-	-	(1.864.478.197)	(924.998.845)	(2.789.477.042)
Số dư cuối năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	130.673.311.056	829.318.903.385	229.639.807.227	6.821.441.925.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(i) Trong năm, Công ty trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2016.

(ii) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 20% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-PVI ngày 30 tháng 8 năm 2016.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(444.974.494.000)	(200.057.622.300)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.754.600	11.754.600
Cổ phiếu phổ thông	11.754.600	11.754.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	222.487.267	222.487.267
Cổ phiếu phổ thông	222.487.267	222.487.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	1.439.473.390.234	1.751.605.945.230
2. Phải thu đòi người thứ ba	VND	33.378.286.667	41.167.292.223
3. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	282.396.416.462	12.355.905.191
4. Ngoại tệ các loại			
+ Đô la Mỹ	USD	3.510.259	9.897.453
+ Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	1.080.409	1.173.950
+ Yên Nhật	JPY	2.264.454	605.856

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực đại lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: bộ phận hoạt động đầu tư, bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ và bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động đầu tư: chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu, cổ phiếu, ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ;

Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ: hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm.

Trong quý IV năm 2015, Công ty đã thực hiện thoái một phần vốn tại PVI Sun Life, theo đó PVI Sun Life chuyển thành công ty liên kết của Công ty. Do vậy, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty không còn bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.221.315.053.802	7.263.366.972.895	14.595.020.130.084	(6.437.141.380.826)	16.642.560.775.955
Nợ phải trả bộ phận	6.941.944.871.122	4.109.032.805.998	584.419.474.469	(1.814.278.301.122)	9.821.118.850.467

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần theo bộ phận	3.376.900.732.490	1.447.173.698.451	1.509.539.314.858	(458.267.828.727)	5.875.345.917.072
Bảo hiểm	3.376.900.732.490	1.447.173.698.451	-	(157.325.794.991)	4.666.748.635.950
Đầu tư	-	-	1.509.539.314.858	(300.942.033.736)	1.208.597.281.122
Chi phí theo bộ phận	3.293.475.579.484	1.346.526.467.450	750.858.054.358	(229.702.927.366)	5.161.157.173.926
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	83.425.153.006	100.647.231.001	758.681.260.500	(228.564.901.361)	714.188.743.146

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Chỉ tiêu	Bảo hiểm					Đơn vị: VND
	Bảo hiểm Phi Nhân thọ					
	Bộ phận kinh doanh	Bộ phận kinh	Bộ phận kinh			
	bảo hiểm gốc phi	doanh tái bảo hiểm	doanh bảo hiểm	Bộ phận hoạt động		
	nhân thọ	nhân thọ	nhân thọ	đầu tư	Tổng cộng	
Tài sản bộ phận	910.211.933.776	6.066.213.381.496	-	13.412.347.784.822	(4.881.349.927.865)	15.507.423.172.229
Nợ phải trả bộ phận	5.595.718.478.561	4.160.229.529.882	-	900.192.011.691	(1.882.680.219.380)	8.773.459.800.754

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Chỉ tiêu	Bảo hiểm					Loại trừ	Tổng cộng
	Bảo hiểm Phi Nhân thọ		Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ		Bộ phận hoạt động đầu tư		
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ				
	Doanh thu thuần theo bộ phận	3.146.023.233.028	1.340.360.325.877	121.283.883.631			
Bảo hiểm	3.146.023.233.028	1.340.360.325.877	121.283.883.631	-	(160.373.565.398)	4.447.293.877.138	
Đầu tư	-	-	-	1.617.502.163.454	(336.998.782.365)	1.280.503.381.089	
Chi phí theo bộ phận	3.030.637.341.559	1.209.129.122.283	361.817.547.900	664.194.097.685	(246.437.298.689)	5.019.340.810.738	
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	115.385.891.469	131.231.203.594	(240.533.664.269)	953.308.065.769	(250.935.049.074)	708.456.447.489	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu phí bảo hiểm gốc	6.527.512.136.321	7.248.012.886.489
Thu phí nhận tái bảo hiểm	816.981.824.812	943.544.146.744
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	581.059.805.786	426.253.202.215
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	29.201.779.062	22.655.580.703
Doanh thu kinh doanh phi bảo hiểm	119.307.299.901	99.358.569.087
	8.074.062.845.882	8.739.824.385.238

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	19.763.484.461
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.023.261.400.671	2.455.933.411.637

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	3.339.118.854.920	3.562.955.063.556
Tăng dự phòng phí	(51.111.944.889)	(59.385.954.396)
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ	-	688.876.193.792
	3.288.006.910.031	4.192.445.302.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	2.565.574.364.467	3.276.001.632.527
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	487.197.785.344	688.922.269.236
Các khoản giảm trừ:	(1.070.365.193.841)	(2.078.012.019.154)
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(1.059.212.643.609)	(2.063.377.945.656)
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	(3.453.458.988)	(11.478.649.085)
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	(7.699.091.244)	(3.155.424.413)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(105.256.892.732)	(122.738.115.271)
Tăng dự phòng bồi thường	64.953.778.342	93.373.580.760
Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	116.613.273.381	124.209.503.626
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.065.981.417.772	1.855.994.835.773
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	125.077.705.994	118.614.571.239
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	291.708.022.610	309.200.357.626
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	58.949.339.393	95.448.340.470
- Chi hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	1.590.246.349.775	1.332.731.566.438
Giá vốn dịch vụ kinh doanh phi bảo hiểm	104.913.715.587	84.661.950.964
	4.229.612.248.320	3.922.413.638.461

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	170.162.142.405	272.637.233.939
Chi phí văn phòng	29.903.340.417	76.375.481.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.253.708.494	66.622.481.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi bằng tiền khác	246.834.682.136	249.774.559.941
	497.153.873.452	665.409.757.330

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.124.698.532.733	3.780.627.595.622
Chi phí nhân viên	208.868.337.395	324.639.703.203
Chi phí văn phòng	29.106.139.786	77.337.770.644
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	89.929.220.922	115.046.393.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi bằng tiền khác	290.963.890.936	302.881.023.551
	4.743.566.121.772	4.600.532.486.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	432.979.369.934	443.785.161.887
Lãi đầu tư trái phiếu	1.774.176.358	106.575.228.207
Lãi kinh doanh cổ phiếu	39.246.068.864	94.411.500
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.088.405.835	4.299.834.237
Lãi chênh lệch tỷ giá	45.925.973.652	116.099.564.765
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	508.330.636.954	509.690.751.788
Doanh thu hoạt động tài chính khác	40.868.636.622	440.585.455
	1.084.213.268.219	1.180.985.537.839

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	87.905.301	244.536.590
Lỗ chênh lệch tỷ giá	55.576.168.418	85.352.826.050
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	250.449.516.256	166.420.172.154
Chi phí lãi vay	11.478.619.445	34.575.410.000
Chi phí tài chính khác	110.824.558.232	75.091.287.969
	428.416.767.652	361.684.232.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	714.188.743.146	708.456.447.489
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(102.131.295.796)	(51.743.407.032)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.701.915.835)	(2.233.734.237)
- Lãi của Quỹ đầu tư cơ hội PVI	(50.931.947.727)	-
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư đã loại năm trước	(36.105.700.000)	-
- Thu nhập không chịu thuế khác	(11.391.732.234)	(49.509.672.795)
Trừ: Chuyển lỗ các năm trước	-	(97.763.941.026)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	153.807.757.864	41.970.042.925
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	4.095.372.134	-
- Lỗ thuần đầu tư vào công ty liên kết	-	(44.929.837.907)
- Thù lao Hội đồng Quản trị	344.675.889	684.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	1.020.898.433	1.092.908.000
- Lỗ tính thuế tại Công ty mẹ và các công ty con	1.706.709.376	73.391.759.055
- Chi phí mua bảo hiểm hưu trí	60.000.000	6.731.500.000
- Chi phí khác không được khấu trừ	146.580.102.032	4.999.713.777
Thu nhập chịu thuế	765.865.205.214	600.919.142.356
Thuế suất thông thường	20%	22%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất thông thường	153.173.041.043	132.202.211.318
Thuế nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra thuế	6.207.687.184	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	159.380.728.227	132.202.211.318

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	539.658.050.414	600.520.069.955
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	VND	(43.172.644.033)	(31.776.888.747)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	496.485.406.381	568.743.181.208
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	222.487.267	223.184.416
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	2.232	2.548

Không có công cụ có thể tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	320.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	706.885.123.558	758.738.988.078
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	6.821.441.925.488	6.733.963.371.475
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.885.123.558	706.885.123.558	758.738.988.078	758.738.988.078
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.142.020.662.467	6.142.020.662.467	5.543.248.372.189	5.543.248.372.189
Đầu tư tài chính	6.592.293.166.245	6.644.896.457.984	6.567.226.052.749	6.624.303.417.309
Tổng cộng	13.441.198.952.270	13.493.802.244.009	12.869.213.413.016	12.926.290.777.576
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.805.859.192.611	1.805.859.192.611	1.712.436.114.751	1.712.436.114.751
Chi phí phải trả	2.792.061.302	2.792.061.302	75.297.993.929	75.297.993.929
Dự phòng bồi thường	4.034.632.426.709	4.034.632.426.709	3.148.478.796.871	3.148.478.796.871
Các khoản vay	-	-	320.000.000.000	320.000.000.000
Tổng cộng	5.843.283.680.622	5.843.283.680.622	5.256.212.905.551	5.256.212.905.551

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 6.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

Tên ngoại tệ	Ký hiệu	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	562.244.361.010	957.438.919.426	892.076.019.523	974.640.610.567
Won Hàn Quốc	KRW	32.381.929.791	58.894.361.834	51.264.686.096	78.718.382.215
Euro	EUR	36.093.732.708	45.277.148.254	23.413.786.428	32.473.210.237
Ringít Malaysia	MYR	2.366.697.761	4.778.054.747	4.498.869.619	7.290.671.733
Rúp Nga	RUB	825.363.485	199.577.569	2.362.487.012	5.616.082.222
Khác		254.063.686.278	32.407.898.983	124.439.109.417	43.268.862.235

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 6,6 tỷ VND.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ trong dài hạn và sẽ chuyển nhượng khi có điều kiện thuận lợi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 9.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.885.123.558	-	706.885.123.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.118.946.432.953	23.074.229.514	6.142.020.662.467
Đầu tư tài chính	6.290.261.700.621	302.031.465.624	6.592.293.166.245
Tổng cộng	13.116.093.257.132	325.105.695.138	13.441.198.952.270
Phải trả người bán và phải trả khác	1.784.012.385.610	21.846.807.001	1.805.859.192.611
Chi phí phải trả	2.792.061.302	-	2.792.061.302
Dự phòng bồi thường	4.034.632.426.709	-	4.034.632.426.709
Tổng cộng	5.821.436.873.621	21.846.807.001	5.843.283.680.622
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.294.656.383.511	303.258.888.137	7.597.915.271.648
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	758.738.988.078	-	758.738.988.078
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.523.193.695.968	20.054.676.221	5.543.248.372.189
Đầu tư tài chính	5.833.067.587.118	734.158.465.631	6.567.226.052.749
Tổng cộng	12.115.000.271.164	754.213.141.852	12.869.213.413.016
Phải trả người bán và phải trả khác	1.691.797.810.075	20.638.304.676	1.712.436.114.751
Chi phí phải trả	75.297.993.929	-	75.297.993.929
Dự phòng bồi thường	3.148.478.796.871	-	3.148.478.796.871
Các khoản vay	15.000.000.000	305.000.000.000	320.000.000.000
Tổng cộng	4.930.574.600.875	325.638.304.676	5.256.212.905.551
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.184.425.670.289	428.574.837.176	7.613.000.507.465

Ban Tổng giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng, Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm tồn tại tại các công ty con của Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm Tổng công ty Bảo hiểm PVI và Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm, các đơn vị đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 23.

Các giao dịch khác với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Chi phí quản lý	7.397.414.248	6.922.082.644

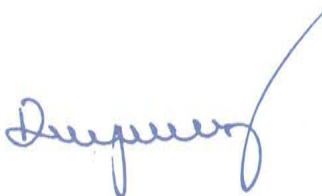
Số dư phải thu, phải trả các bên liên quan được trình bày tương ứng tại Thuyết minh số 7 và số 14.

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc Công ty được hưởng trong năm là 3.836.661.187 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.390.513.436 VND).



Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 2 năm 2017

QUẢN TRỊ MINH BẠCH - KINH DOANH HIỆU QUẢ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Mã chứng khoán: PVI, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội HNX

Trụ sở: 1 Phạm Văn Bạch - Q. Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: +84-4 3734 2299 / Fax: +84-4 3734 2929

Email: contact@pvi.com.vn / Website: www.pvi.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Trụ sở: Số 1 Phạm Văn Bạch - Q. Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: +84-4 3734 2299 / **Fax:** +84-4 3734 2929

Email: contact@pvi.com.vn / **Website:** www.pvi.com.vn